

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo thường niên niên độ 2017 - 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**
2. Tên chứng khoán : Trái phiếu TTCE062022 và TTCE122022
3. Mã chứng khoán : TCE11721 và TCE11723
4. Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
5. Điện thoại : (84) 28 39 484 860 Fax: (84 8) 28 39 484 861
6. Website : www.tcedu.vn
7. Người được ủy quyền công bố thông tin : **DƯƠNG THỰC LINH**
8. Chức vụ : Tổng Giám đốc
9. (Theo Quyết định ủy quyền số 330/QĐ-HĐQT ngày 01/08/2018 của Đại diện theo pháp luật Công ty CP Giáo Dục Thành Thành Công v/v ủy quyền thực hiện công việc từ Đại diện theo pháp luật cho Bà Dương Thực Linh – Tổng giám đốc).
10. Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kì

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công ty Cổ phần Giáo Dục Thành Thành Công công bố Báo cáo thường niên niên độ 2017 – 2018. Nội dung chi tiết báo cáo trong file đính kèm.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên niên độ 2017 – 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có



Dương Thực Linh



TTC EDU



2017-2018 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Vì cộng đồng, thắp sáng ước mơ



www.ttcedu.vn

MỤC LỤC

I. Ý nghĩa logo TTC EDU, giá trị cốt lõi	3
II. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
III. Tổng quan công ty	6
IV. Tình hình hoạt động công ty niên độ 2017 – 2018	24
V. Báo cáo phát triển bền vững	36
VI. Báo cáo tài chính hợp nhất	38





Ý NGHĨA LOGO TTC EDU:

Tổng thể Logo được thiết kế dựa trên hình tượng một búp hoa đang chuẩn bị hé nở. Với đài hoa cách điệu từ hình ảnh đôi bàn tay đang nâng niu mầm hoa TTC - được ví như những thế hệ tri thức trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước.

Búp hoa ấy đang chờ ngày bùng nở, khoe sắc và tỏa hương bởi nhờ vào sự vun đắp, bồi dưỡng từ Hệ thống giáo dục hiện đại của TTC Edu. Búp hoa TTC ấy cũng giống như ngọn lửa đam mê, nhiệt huyết và khát vọng mà các thầy cô giáo đang muốn truyền cảm hứng cho thế hệ học trò của mình.

Dựa trên ý nghĩa ấy, Logo nhấn mạnh vào sứ mệnh và mục tiêu của ngành giáo dục TTC: Tạo môi trường và điều kiện tối ưu nhất để chăm sóc, giáo dục các thế hệ trẻ chuẩn bị hành trang tri thức vững vàng bước vào cuộc sống, xây dựng nền tảng tương lai và trở thành những công dân hữu ích cho đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Love
Yêu thương

We believe that caring and sharing are the sources creating the safe and full of love environment for learning and working. Love brings power of connection, generosity and patience contributing to the wellness of organization's culture.

Chúng tôi tin rằng sự quan tâm, chia sẻ chính là nguồn gốc để tạo ra môi trường học tập và làm việc an toàn, tràn ngập tình yêu thương. Tình yêu thương tạo nên sức mạnh gắn kết, sự bao dung, kiên nhẫn và là nền tảng văn hóa tổ chức tốt đẹp.

RESPECT
TÔN TRỌNG

We believe that self-respect and respect for others together with commitment to our mission are conditions to create and maintain a healthy and fair environment for cooperation and learning based on teamwork spirit for the sake of the organization's sustainable growth.

Chúng tôi tin rằng tôn trọng bản thân và tôn trọng lẫn nhau, đi cùng với sự cam kết chính là điều kiện để có được môi trường hợp tác, hợp tác lành mạnh, bình đẳng trên nền tảng tinh thần làm việc nhóm vì sự phát triển bền vững của tổ chức.

ACCOUNTABILITY
TRÁCH NHIỆM

We believe that being accountable for ourselves, for our organization and for our community is critical factor helping us enforcing positive changes. Sense of accountability encourages us to become resilient, creative and active learners who dedicate to fulfill our set targets.

Chúng tôi tin rằng Tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, với tổ chức và cộng đồng là một giá trị then chốt giúp chúng tôi tạo ra những thay đổi tích cực. Tinh thần trách nhiệm giúp chúng tôi trở thành những người sẵn sàng học hỏi, chủ động và sáng tạo để thực hiện những mục tiêu đã đặt ra.



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác,

**Kính thưa Quý phụ huynh, học sinh, sinh viên
trong toàn hệ thống,**

Cố Tổng Thống Nam Phi – Nelson Mandela – Một nhà lãnh đạo, một nhà giáo dục đã nói: “Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi cả thế giới”. Với TTCEDU, hành trình xây dựng và vun đắp những ngôi trường ước mơ góp phần thay đổi góc nhìn về giáo dục đã từng bước dần được hiện thực hóa. Hành trình vươn tầm quốc tế bắt đầu từ sự thay đổi trong tư duy và hành động.

Niên độ 2017-2018 đã được hoàn thành với những chỉ tiêu và cột mốc rất khả quan không chỉ về hoạt động của doanh nghiệp mà còn là sự thể hiện hoạt động ổn định, là uy tín và chất lượng của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong hệ thống hiện diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bến Tre. Trong đó, hoạt động vận hành, quản lý chuyên nghiệp, minh bạch; đội ngũ nhân sự có cùng chung hệ giá trị, niềm tin và mục tiêu; Công nghệ thông tin được đưa vào hoạt động quản lý – vận hành giúp tối ưu nguồn lực. Đồng thời, hợp tác quốc tế sâu và rộng với các đối tác tâm cờ và uy tín thế giới sẽ là một định hướng nhằm sớm hoàn thiện những sứ mệnh mà TTC EDU đang hoài bão.

Niên độ 2017 -2018 là một năm “củng cố nguồn lực – tìm kiếm cơ hội” để tạo đà “vững bước phát triển” cho niên độ 2018-2019. Sự kiên trì thực hành 3 giá trị cốt lõi Yêu Thương – Tôn Trọng – Trách nhiệm của toàn thể CBNV trên toàn hệ thống đã kết nối được một sức mạnh tập thể to lớn, một NIỀM TIN để chúng tôi cùng hoàn thành các mục tiêu của từng năm ghép vào bức tranh chiến lược tổng thể đến năm 2020-2021. Niên độ này toàn hệ thống với 17 cơ sở giáo dục từ Mầm non cho đến đại học với gần 15.000 học sinh, sinh viên đang được sinh hoạt trong một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, ngày càng được hoàn thiện và hướng về người học.

Thị trường giáo dục Việt Nam đầy tiềm năng và ở đó chúng tôi không chỉ coi giáo dục là một hoạt động của doanh nghiệp, mà hơn thế, với tôn chỉ “không vì lợi nhuận bằng bất kỳ mọi giá”. Việc tái đầu tư vào 4 trụ cột của hoạt động lõi bao gồm: đội ngũ nhân sự, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất đặc biệt sự kết nối cộng đồng giáo dục luôn được đặt lên hàng đầu nhằm đem lại những giá trị tinh túy nhất cho người học nói riêng và cho xã hội nói chung.

Với mục tiêu đến niên độ 2020-2021, chúng tôi sẽ tự tin cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng mang tầm quốc tế đến gần 30.000 học sinh, sinh viên trên toàn hệ thống. Tính tới thời điểm hiện nay, chúng tôi đã và đang hoàn thiện chuỗi giáo dục ở các địa phương đang hoạt động và mở rộng ra các địa phương, tỉnh thành trong khu vực miền Nam như Long An, Tây Ninh, Tiền Giang, Phú Quốc....

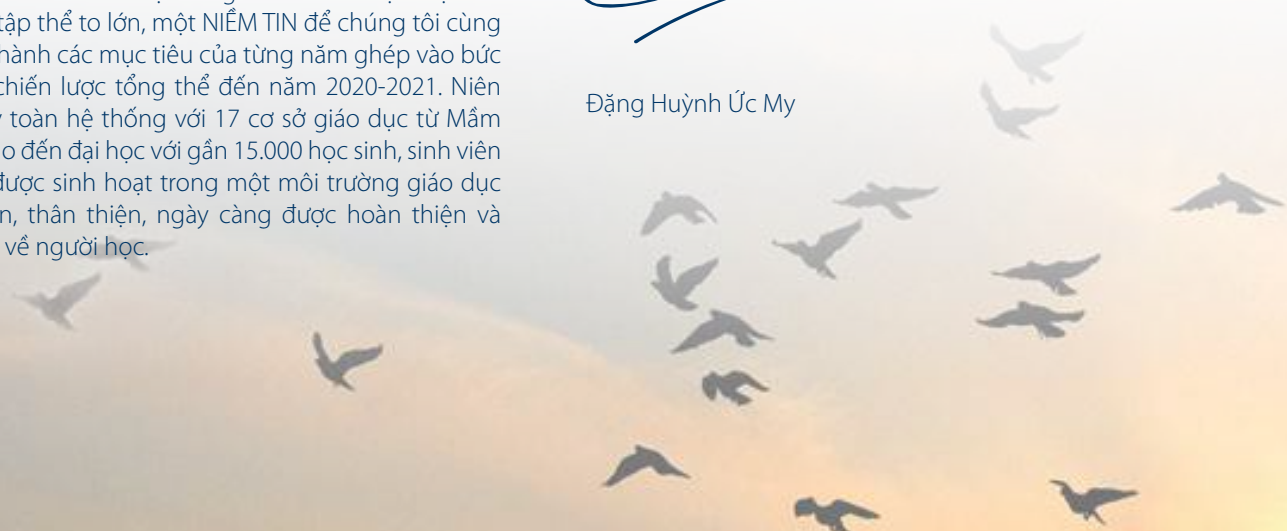
Chúng tôi cảm ơn Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác, Quý phụ huynh, học sinh, sinh viên đã cho chúng tôi cơ hội được phục vụ, đã đồng hành cùng chúng tôi trên chặng đường đã qua và sắp đến.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, Tôi xin gửi đến Quý vị lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Huỳnh Úc My



TỔNG QUAN CÔNG TY



Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Vốn điều lệ: 350.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (+84) 28 39 484 860 - Số fax: (+84) 28 39 484 861

Website: www.ttcedu.vn

Giấy chứng nhận ĐKDN: 3601478519

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH MTV Giáo
dục Toàn Thịnh Phát

Chính thức đổi tên thành Công ty Cổ
phần Giáo dục Thành Thành Công (TTC
EDU). Đây là một trong những dấu mốc
quan trọng hướng đến việc đồng bộ
hóa thương hiệu trong hệ thống TTC
và mục tiêu trở thành doanh nghiệp
có thương hiệu Giáo dục hàng đầu tại
Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giáo dục
Thành Thành Công tăng vốn
lên 350.000.000.000 VNĐ.

27.2.2007

12.1.2016

14.8.2017

8.1.2014

Công ty CP Giáo dục
Toàn Thịnh Phát

3.8.2016

Công ty Cổ phần Giáo dục
Thành Thành Công tăng vốn
lên 300.000.000.000 VNĐ.

Công ty tiếp tục niêm yết gói trái
phiếu 80,1 tỷ VNĐ theo quyết định
số 218/QĐ -SGDHCM của Sở Giao
dịch chứng khoán TP. HCM.

21.6.2018

27.2.2018

Công ty chính thức niêm yết gói trái phiếu 150 tỷ
VNĐ theo quyết định số 58/QĐ-SGDHCM của Sở
Giao dịch chứng khoán TP. HCM.



TỔNG QUAN CÔNG TY

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	0,55	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,52	1,43	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,41	0,53	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,71	1,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	12,02	26,65	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,51	0,54	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3%	6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	3%	7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	5%	8%	

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP



**Trường THPT
Lê Quý Đôn**
1/4/1998



**Trường Đại học
Yersin Đà Lạt**
27/12/2004



**Trường mầm non
TTC - Bình Dương**
19/6/2008



**Trường THCS - THPT
Tân Phú**
29/8/2007



**Công ty Cổ phần Giáo
dục Thành Thành Công**
25/12/2008

1/6/2005
**Trường Cao đẳng
Công nghệ và
Quản trị Sonadezi**



12/2005
**Trường THPT
Yersin Đà Lạt**



12/1/2006
**Trường TH - THCS -
THPT Trịnh Hoài Đức**



23/3/2010
**Trường mầm non
TTC - Elite Đồng Nai**



23/3/2010
**Trường TH - THCS -
THPT Quốc tế Thái
Bình Dương**



**Trung tâm ngoại
ngữ và tin học TTC
Global Mind**
4/2017



**Trường TH - THCS
-THPT Lê Quý Đôn**
29/5/2014



**Trường mầm non
TTC - Sài Gòn**
30/10/2014



**Trường mầm non
TTC - Đồng Nai**
25/6/2013

26/6/2017
**Trường Mầm non
Quốc tế ABI - Bến Tre**



19/6/2017
**Trường THPT Lê Quý
Đôn - Long Bình Tân**



9/2016
**Trường mầm non
TTC - Sài Gòn 2**



20/10/2013
**Trường mầm non TTC
- Đồng Nai 2**



TỔNG QUAN CÔNG TY

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
2	Giáo dục tiểu học	8520
3	Giáo dục mầm non	8510
4	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8541
5	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531 (Chính)
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, tin học.	8559
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Theo khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
8	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Dịch vụ kiểm tra giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THPT YERSIN ĐÀ LẠT

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TẾ ABI BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG QUỐC TẾ IPS ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TH - THCS LÊ QUÝ ĐÔN
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
TRƯỜNG TH - THCS - THPT TRỊNH HOÀI ĐỨC
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN - LONG BÌNH TÂN
CÔNG TY TNHH MTV HỌC VIỆN THÀNH THÀNH CÔNG
CÔNG TY TNHH MTV GIÁO DỤC
THÀNH THÀNH CÔNG - TÂY NINH
CÔNG TY CP GIÁO DỤC HƯNG HƯNG THỊNH

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC TƯ DUY
TOÀN CẦU TTC

TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ SONADEZI

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TẾ ABI ĐỒNG NAI
TRƯỜNG MẦM NON ABI ĐỒNG NAI
TRƯỜNG MẦM NON ABI ĐỒNG NAI 2
TRƯỜNG TH - THCS - THPT TRỊNH HOÀI ĐỨC

TRƯỜNG MẦM NON ABI - SÀI GÒN
TRƯỜNG MẦM NON ABI - SÀI GÒN 2
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 590
TRƯỜNG THCS - THPT TÂN PHÚ - SÀI GÒN
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO QUỐC TẾ TTC
CÔNG TY TNHH MTV HỌC VIỆN TTC

ĐẢO PHÚ QUỐC

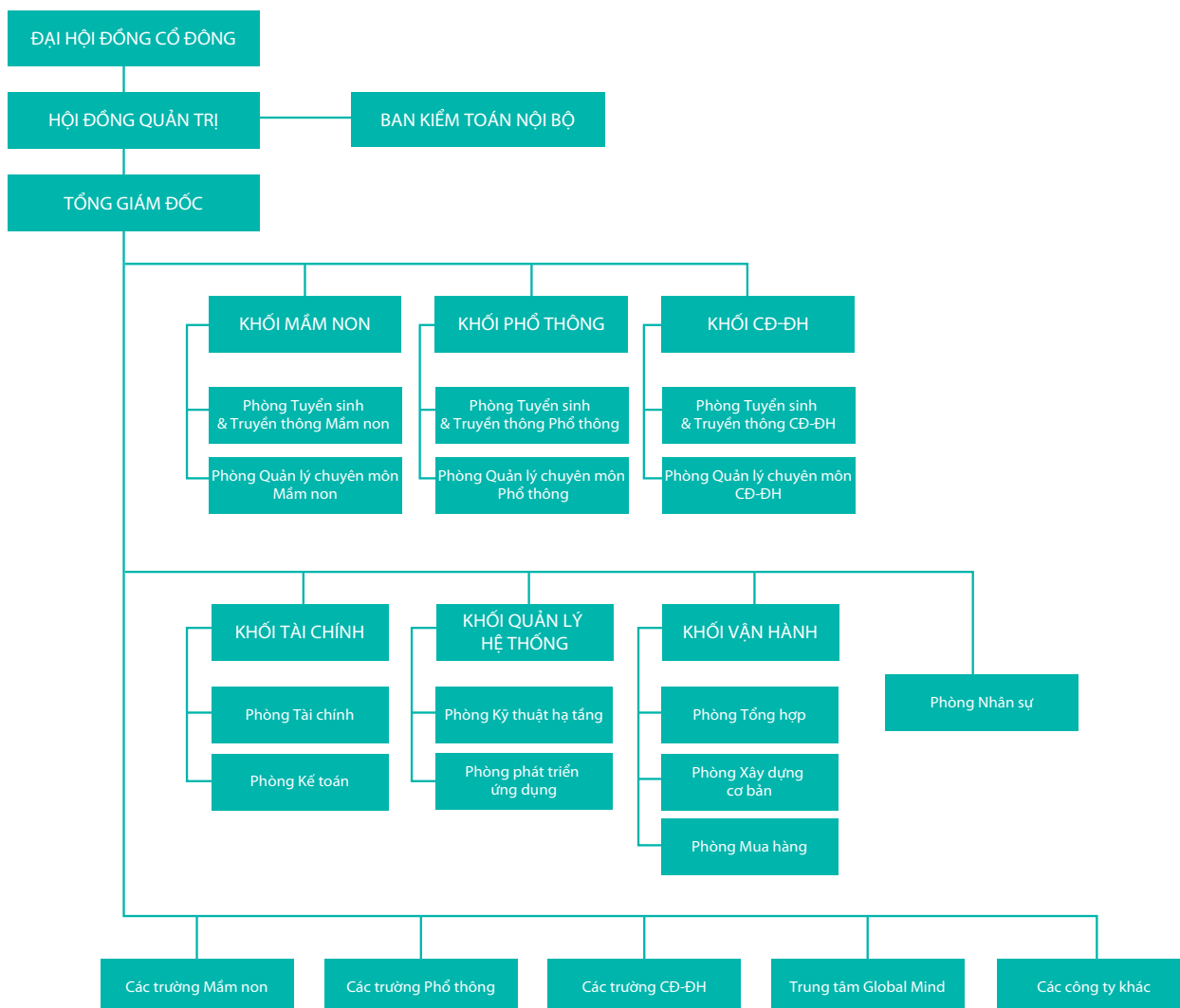
QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

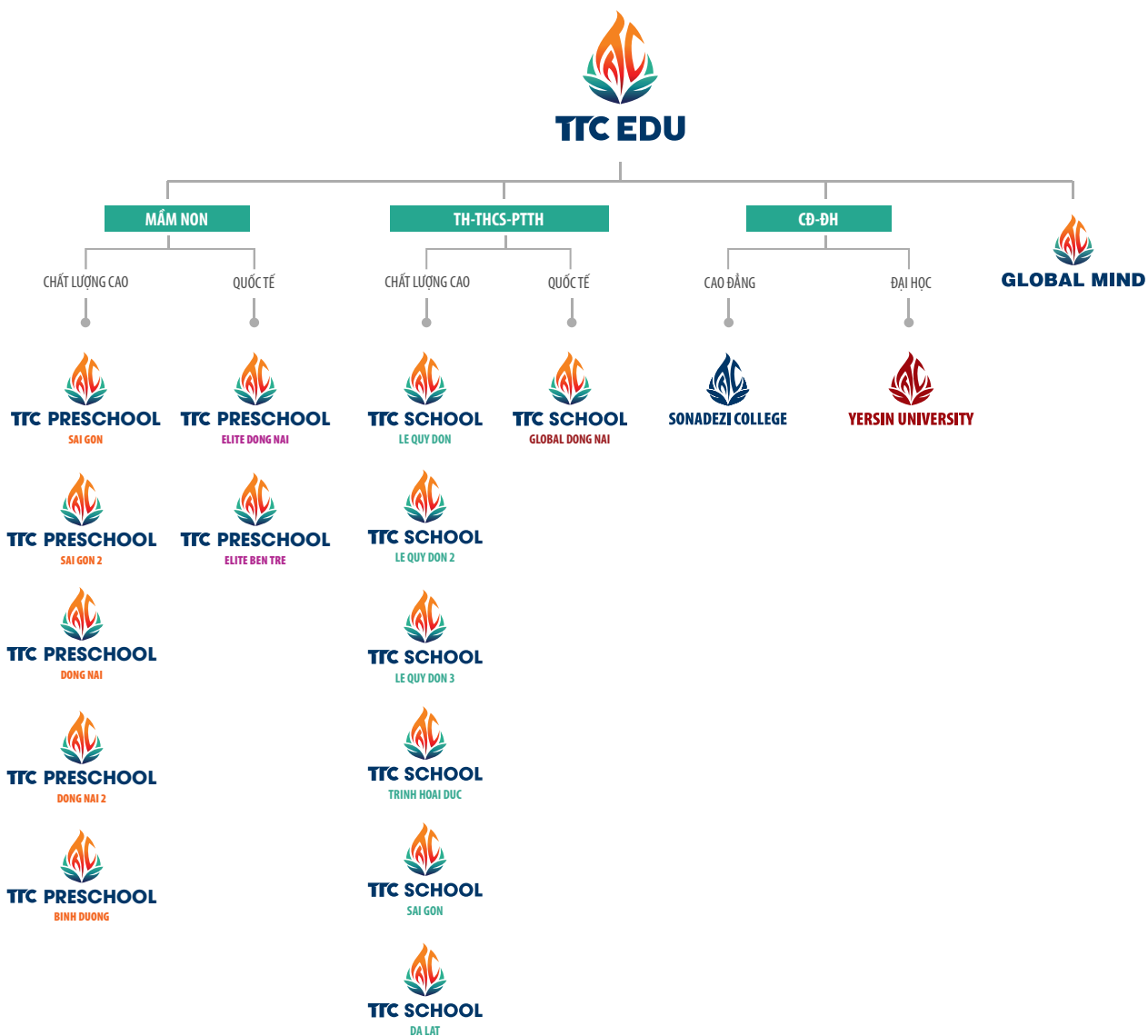
BÀO TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TẾ ABI BẾN TRE

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỆ THỐNG CÁC TRƯỜNG THÀNH VIÊN



TỔNG QUAN CÔNG TY

CÁC CÔNG TY CON

	Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Tỉ lệ sở hữu của công ty
1	Trường Mầm non Abi Đồng Nai	130 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
2	Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	Lô E, đường số 3, KDC An Bình, P. Bình An, Biên Hòa, Đồng Nai	100%
3	Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	Khu phố 7, P. Phú Hòa TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	100%
4	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế Abi Đồng Nai	Hẻm 89, KP1, Hưng Đạo Vương, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
5	Trường Mầm non TTC Sài Gòn	Số 1, Trần Văn Danh, P.13, Q. Tân Bình, TP. HCM	100%
6	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	Chung cư Đặng Thành, 27 Trịnh Đình Thảo, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú	100%
7	Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	Đường Nguyễn Trung Trực, P.1, TP. Bến Tre	100%
8	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Hẻm 89, KP1, Hưng Đạo Vương, P. Quyết Thắng	100%
9	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	Ấp Quảng Lộc, Xã Quảng Tiến, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai	100%
10	Trường THCS-THPT Tân Phú	519 Kênh Tân Hóa, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM	100%
11	Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	Số 1, Đường 6A, Khu CN BH2, P. Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	100%
12	Trường THPT Lê Quý Đôn	79/393A Phạm Văn Thuận Phường Tân Mai. TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
13	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	Ấp Quảng Lộc, Xã Quảng Tiến, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai	100%
14	Trường THCS-THPT Tân Phú	519 Kênh Tân Hóa, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM	100%
15	Trường PTTH Yersin Đà Lạt	1B Tôn Thất Tùng, Phường 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	100% ĐH Yersin Đà Lạt
16	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Số 1, đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	60%
17	Trường Đại học Yersin Đà Lạt	Số 27 Tôn Thất Tùng, Phường 8. TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	87,78%
18	Viện nghiên cứu và đào tạo quốc tế TTC	62 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	100% ĐH Yersin Đà Lạt
19	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Tư duy Toàn Cầu TTC	154/20 Hưng Đạo Vương, Khu Phố 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
20	Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM	100%
21	Công ty TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	590 Cách Mạng Tháng Tám, P. 11, Q. 3, TP. HCM	100%
22	Công ty TNHH MTV Học viện TTC	253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM	100%
23	Công ty CP Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	217-219 đường 30/4, P. 2, TP. Tây Ninh, Tây Ninh	100%
24	Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	154/20, đường Hưng Đạo Vương, Khu Phố 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà **Đặng Huỳnh Ước My**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Ông **Lê Ngọc Thông**
Phó Tổng Thường trực HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Bà **Nguyễn Thái Hà**
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ



Bà **Lê Thị Xuân Đức**
Thành viên Độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Bà **Trần Quế Trang**
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Bà **Dương Thục Linh**
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ QTKD & Cử nhân sư phạm



Ông **Đinh Hoàng Triều**
Phó tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Ông **Trần Anh Vĩnh Thịnh**
Phó tổng Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Ông **Nguyễn Danh Hiếu**
Kế toán Trưởng

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Niên độ 2017 – 2018



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2018 – 2019

A. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Trở thành một trong Top 5 hệ thống chuỗi giáo dục hàng đầu tại Việt Nam
- Mầm non: Hiện thực hóa "Giấc mơ ABI", tạo ra sự đổi mới thực sự cho giáo dục bậc mầm non. Góp phần nền tảng tạo ra một thế hệ công dân "mới" được phát triển về cả TÂM LỰC, TRÍ LỰC, THỂ LỰC. Mỗi một trường Mầm non ABI không chỉ là trường học mà còn là trung tâm tư vấn phương pháp giáo dục và phát triển trẻ em ở những nơi mà ABI hoạt động.
- Phổ thông: đào tạo chương trình hướng nghiệp - thực hành nghề - kỹ năng, tạo bước đệm vững chắc tiến lên các bậc học cao tạo nên nền tảng công dân toàn cầu.
- Đầu tư vào chương trình Cao đẳng - Đại học theo định hướng quốc tế, chú trọng kỹ năng nghề nghiệp; đào tạo đa ngành; tăng cường liên kết - liên thông ... hướng đến cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung chất và lượng: mang đến sản phẩm giáo dục chất lượng cao với 4 trụ cột chính: chương trình học, cơ sở vật chất, đội ngũ, kết nối. Đồng thời, mạng lưới trường học của TTC EDU sẽ phủ rộng tất cả địa bàn mà Tập đoàn TTC có nhu cầu nhân sự.
- Dịch vụ hàng đầu: cung cấp dịch vụ giáo dục tốt nhất thông qua những tiêu chí: lấy học sinh – sinh viên là trung tâm, tôn trọng, uy tín trong từng cam kết, luôn cập nhật và hoàn thiện dịch vụ.



- Công nghệ quốc tế: tận dụng hợp tác trao đổi công nghệ hiện đại nhất của các nước tiên tiến để ứng dụng trong đào tạo và quản lý.
- Tối ưu mô hình vận hành: tận dụng mô hình quản trị tập trung, điều hành phân cấp, kiểm soát độc lập.
- Nền tảng văn hoá tổ chức bền vững, thực hành 3 giá trị cốt lõi cùng 1 mục tiêu chung.

C. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Với thông điệp "Vì cộng đồng, thắp sáng ước mơ", TTC EDU mang trên mình sứ mạng chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc đầu tư vào giáo dục, đầu tư vào tương lai, đầu tư vào con người. TTC EDU cam kết cung cấp hệ thống giáo dục liên cấp từ Mầm non đến Đại học có uy tín - chất lượng theo định hướng quốc tế và dẫn đầu địa phương. Là những người làm giáo dục, chúng tôi chăm chút cho từng sản phẩm giáo dục của mình; là những nhà đầu tư có trách nhiệm, chúng tôi chú trọng việc mở rộng hệ thống chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tại các địa phương.

CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG

RỦI RO VỀ KINH TẾ

- Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang



lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có khả năng tác động tiêu cực đến Công ty. Chẳng hạn, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các biện pháp đó có thể làm giảm hoạt động kinh tế ở Việt Nam, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty và cũng có thể làm tăng chi phí vốn vay của Công ty.

- Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm: các nguy cơ bùng phát bệnh dịch do các yếu tố trong nước hoặc ngoài nước; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; thay đổi giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Mức độ lạm phát cao và lãi suất cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty



- Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ (CSTT), phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015 và 4,74% năm 2016. Mức tăng năm 2016 tuy cao hơn so với năm trước nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của giai đoạn trước năm 2011 và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đã đề ra. Mặt bằng lãi suất năm 2016 duy trì ổn định, lãi suất huy động chỉ hơi tăng nhẹ vào những tháng đầu năm; lãi suất cho vay trung bình hầu như không đổi nhưng một số tổ chức tín dụng đã có chính sách giảm lãi suất cho vay xuống 0,5 – 1%/năm đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.

RỦI RO VỀ NGÀNH

Hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi vốn đầu tư và tính sẵn có của nguồn vốn đó có thể bị hạn chế

- Khả năng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi nhu cầu vốn và phụ thuộc vào khả năng huy động vốn từ các nguồn như vốn chủ sở hữu, tài trợ thông qua vay nợ, tiền thu từ học phí, thu phí thuê mặt bằng các bất động sản từ khách hàng và dòng tiền khác từ các khoản đầu tư hiện tại của Công ty.
- Công ty sẽ cần nguồn tài trợ bổ sung lớn để tài trợ cho các cơ sở giáo dục đào tạo mới mà Công ty đang có kế hoạch mua, đầu tư và phát triển cũng như cho việc tái đầu tư, nâng cấp và/hoặc



trang bị mới trang thiết bị thường niên cho các cơ sở giáo dục đào tạo hiện hữu.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro phát sinh từ giá cả, nguồn cung và chất lượng nguyên vật liệu, thực phẩm, trang thiết bị

- Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh hiện tại, Công ty phải chịu ảnh hưởng lớn của vật giá lương thực thực phẩm, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học, các loại thuế đánh vào những mặt hàng này và các yếu tố khác mà Công ty không thể kiểm soát được.
- Để xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo mới, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của giá cả thị trường về nguyên vật liệu, nhất là xi măng và sắt thép là hai mặt hàng phụ thuộc vào cung và cầu trong nước và quốc tế, thuế nhập khẩu/xuất khẩu, thuế trong nước và các yếu tố khác vượt quá khả năng kiểm soát của Công ty.

Thành công của mỗi lĩnh vực kinh doanh phụ thuộc vào khả năng tiếp tục tuyển dụng hay giữ được nhân sự có kỹ năng thích hợp cho các vị trí quản lý then chốt

Thành công của Công ty phụ thuộc khá nhiều vào kỹ năng, năng lực và nỗ lực của các nhân sự của Công ty, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ được các nhân sự quản lý và nhân sự khác có kỹ năng phù hợp. Công ty phải đối mặt liên tục với thách thức tuyển dụng và giữ được đủ nhân sự có kỹ năng, đặc biệt là nếu Công ty mong muốn tiếp tục tăng trưởng. Cuộc cạnh tranh giành nhân sự quản

lý và nhân sự có trình độ và kỹ năng ở Việt Nam rất gắt gao, và mỗi công ty con của Công ty có thể không thu hút và/hoặc giữ được các nhân sự Công ty cần trong tương lai. Việc mất đi những nhân sự chủ chốt có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty.

Công ty phải chịu rủi ro trong lĩnh vực Giáo dục Đào tạo

- Rủi ro chung trong lĩnh vực Giáo dục Đào tạo
- Công ty phải chịu các rủi ro chung liên quan đến ngành Giáo dục – Đào tạo, bao gồm:
 - Thay đổi giá dịch vụ (bao gồm cả giá thuê bất động sản mà Công ty phải thuê để phục vụ cho hoạt động kinh doanh) trên thị trường;
 - Thay đổi về thị hiếu của khách hàng đối với loại hình đào tạo của Công ty hoặc giảm cầu đối với các chương trình, khoá học cụ thể trên một phân khúc thị trường nhất định;
 - Không thể thu tiền học phí từ học sinh – sinh viên vì lý do khách hàng bị mất khả năng chi trả hoặc vì các lý do khác;
 - Phí bảo hiểm tăng;
- Hỏa hoạn, thiên tai hoặc thiệt hại khác về tài sản;
- Phát sinh chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, dẫn đến vượt dự toán.





RỦI RO KHÁC

- Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Công ty. Các rủi ro này, nếu xảy ra, chắc chắn sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH, THỊ TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NGÀNH GIÁO DỤC NIÊN ĐỘ 2018/2019

CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT

- Bộ GD&ĐT sẽ thực hiện chương trình phổ thông mới bắt đầu từ năm học 2019. Trong chương trình mới, giáo dục cơ bản sẽ kết thúc ở lớp 9, gồm 5 năm tiểu học và 4 năm trung học cơ sở. Từ lớp 10 đến lớp 12, học sinh sẽ được định hướng nghề nghiệp. Bậc THPT chỉ còn 5 môn thay vì bắt buộc học tất cả 13 môn như hiện nay. Lần đầu tiên ở chương trình phổ thông, bậc tiểu học xuất hiện môn Hoạt động Trải nghiệm. Cấp tiểu học được thiết kế để dạy học 2 buổi/ngày. Chương trình Tin học sẽ là môn quan trọng.
- Rủi ro chính sách cao, có nhiều loại giấy phép con, chịu sự quản lý của Chính phủ, tới Bộ/ Sở, thậm chí phòng giáo dục của Quận/ Huyện. Gần đây, việc điều hành chính sách về giáo dục của Nhà nước có thông thoáng hơn, nhưng vẫn còn có bất cập.



- Bên cạnh đó, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo cũng đang đưa ra các nhiệm vụ chủ yếu gồm rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, đổi mới chương trình giáo dục; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo, hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

KINH TẾ

- Tại Việt Nam, tăng trưởng kinh tế có giảm trong Quý 1/2018, xuống mức 7,7% so với cùng kỳ, sau khi đã đạt kết quả rất tốt vào thời điểm cuối 2017. Tuy nhiên, nếu tính từng quý thì đây vẫn là kết quả quý 1 tốt nhất trong 10 năm qua nhờ duy trì tiềm lực của lĩnh vực sản xuất công nghiệp, ngành dịch vụ hoạt động tốt và sản lượng nông nghiệp tăng.
- Trong năm 2018, cùng với kinh tế thế giới có nhiều thuận lợi và những cải cách trong nước, dự báo tăng trưởng của Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc và tiếp tục hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng của thế giới trong 2 năm nữa, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu. Ngân hàng Thế giới và IMF đánh giá trong trung hạn kinh tế Việt Nam sẽ tăng ổn định ở mức 6,5%, còn theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia thì có thể duy trì trên 6,7% từ 2019 - 2020.



TỔNG QUAN CÔNG TY

- Sự tham gia của các đơn vị quỹ đầu tư và đơn vị giáo dục quốc tế vào thị trường giáo dục Việt Nam khiến thị trường này trở nên sôi động.
- Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20%, tương đương 5% GDP.
- Xu hướng quy hoạch cũng ảnh hưởng thuận lợi cho TTC EDU phát triển đầu tư hệ thống giáo dục tại TP.HCM và Đồng Nai. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đồ án "Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TP Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050". Theo điều chỉnh này, phạm vi vùng TP.HCM bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính TP.HCM và 7 tỉnh lân cận, gồm: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Tiền Giang (tổng diện tích toàn vùng khoảng 30.404 km²). Bên cạnh đó, trên cơ sở hạ tầng giao thông cũng được đầu tư nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông vùng nhằm tạo điều kiện thuận lợi đối với giao thông vận tải, phát huy tối đa lợi thế về đầu mối giao thông quốc gia, quốc tế cũng như rút ngắn khoảng cách giữa các vùng.

VĂN HÓA XÃ HỘI

- Nguồn cung ứng lực lượng Giáo viên – giảng viên còn thiếu và chưa đạt chất lượng phục vụ nhu cầu giảng dạy ở từng bậc học.
- Việt Nam nằm trong số các nước có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới, và giai đoạn già hóa dân số của Việt Nam được dự đoán sẽ bắt đầu vào năm 2020. Thêm vào đó, tỷ suất sinh có xu hướng giảm từ 1.96 năm 2017

còn 1.95 năm 2020. Độ tuổi trung bình của dân số từ 30.8 tuổi năm 2017 tăng lên 33 tuổi năm 2020.

- Chất lượng cuộc sống và thu nhập bình quân đầu người của người Việt Nam ngày càng nâng cao, việc đầu tư cho giáo dục ngày càng được chú trọng, ngay từ lúc còn ở độ tuổi mầm non. Vì vậy nhu cầu về giáo dục mầm non chất lượng cao trở lên gia tăng. Tuy nhiên, với tâm lý mong muốn đầu tư cho con tốt nhất, tỷ lệ sinh con ở một số khu vực, nhất là Đông Nam Bộ đang và tiếp tục có xu hướng giảm, điều này cũng ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục trong dài hạn.
- VN hiện có số lượng du học sinh theo học tại Mỹ nhiều thứ 5 so với các nước và lãnh thổ trên thế giới, theo trang University World News dẫn kết quả thống kê của Bộ An ninh nội địa Mỹ. Tính đến tháng 3.2017, có 30.817 du học sinh VN theo học tại mọi cấp trong hệ thống giáo dục và phân bố ở tất cả 50 tiểu bang của Mỹ.
- Phụ huynh VN chi 47% thu nhập cho việc giáo dục con cái. Mỗi năm người Việt chi 3 tỷ đô cho du học, nhất là bậc Phổ thông trung học và Đại học, Cao đẳng, điều này vừa cho thấy được nhu cầu đầu tư cho chất lượng giáo dục vừa cho thấy được những bất cập của giáo dục trong nước, do đó cần đầu tư xây dựng các trường có chất lượng quốc tế.
- Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đặt giáo dục trước những thách thức và cơ hội mới đang nảy sinh nhanh chóng, do đó giáo dục Việt Nam cũng cần chuẩn bị để tránh sự tụt hậu.



CÔNG NGHỆ

- Nhiều tập đoàn đầu tư vào công nghệ về giáo dục như là một xu hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư giáo dục đi sau.
- Trang thiết bị phục vụ cho việc hiện đại hóa, ứng dụng CNTT... vào hoạt động giảng dạy.
- Giải pháp phần mềm tổng thể: ERP, CRM, AMS để vận hành cơ sở giáo dục được chú trọng đầu tư.
- Sự phát triển và lan tỏa của Công nghệ 4.0 đặt áp lực Ngành phải có sự thay đổi mạnh mẽ, nhưng với đặc thù là Giáo dục, thì cần có chọn lọc và phù hợp với điều kiện hiện tại.
- Với xu thế thị trường tuyển dụng hiện nay các vị trí triển khai ứng dụng, tư vấn giải pháp đang rất khan hiếm gây khó khăn cho việc tuyển dụng thay thế những nhân sự có đủ điều kiện phù hợp.

PHÁP LUẬT

- Dự thảo luật 2018 cũng đem lại nhiều thuận lợi khi dự kiến điều chỉnh những nội dung không phù hợp của năm 2017. Thêm vào đó, những quy định về giờ giấc của giáo viên Phổ thông tư thục cũng không bị ràng buộc như đối với các trường công lập. Ngoài ra, đề xuất không

còn phân biệt hình thức đào tạo trên bằng cấp cũng như việc miễn thuế đối với lợi nhuận từ hoạt động đào tạo, KHCN khi tái đầu tư, hoạt động từ thiện - xã hội cũng là mở ra những hướng đi khởi sắc.

- Luật Giáo dục ban hành năm 2017 có ảnh hưởng đến giáo dục, đào tạo Đại học và Cao đẳng. Trong đó, xác định Cao đẳng thuộc Giáo dục Nghề nghiệp và chịu sự quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dẫn đến những bất cập trong cơ cấu hội đồng quản trị, gây khó khăn trong việc tuyển dụng, thống nhất chủ trương từ Nhà đầu tư tới HĐQT, Ban Giám hiệu Nhà trường. Bên cạnh đó, các điều kiện mở ngành đào tạo, liên thông đào tạo từ Trung cấp lên Đại học bị siết chặt hơn ảnh hưởng nhiều đến việc chiến lược phát triển chung của Khối.
- Khối Phổ thông có nhiều thuận lợi trong việc chuẩn hóa được đầu vào, nâng cao chất lượng giảng dạy theo định hướng mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cụ thể, theo định hướng phân luồng sau THCS năm 2017, TP.HCM nhận chỉ tiêu 77% HS hệ công lập và kế hoạch sẽ giảm 3% mỗi năm cho đến mức 70% vào năm 2020, như vậy chỉ tiêu vào hệ tư thục sẽ tăng dần hàng năm và lên đến 30%.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Niên độ 2017 – 2018



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nội dung (triệu đồng)	Kế hoạch	Kế hoạch điều chỉnh Mầm non TTC SG 1 & 2	Thực hiện	Tỉ lệ thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện
	2017 - 2018	2017 - 2018	2017 - 2018		2016 - 2017
Tổng doanh thu	477.408	465.572	464.001	100%	348.767
Doanh thu thuần	470.007	458.774	458.687	100%	346.445
Chi phí giá vốn	(325.281)	(316.111)	(249.964)	79%	(202.274)
Biên lợi nhuận gộp	31%	31%	46%		42%
Chi phí Sale & Marketing	(5.211)	(5.211)	(1.014)	19%	-
Tỷ lệ chi phí bán hàng	-1%	-1%	0%		0%
Chi phí quản lí	(131.193)	(127.982)	(143.159)	112%	(108.983)
Tỷ lệ chi phí quản lý	-28%	-28%	-31%		31%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	8.322	9.469	64.549	682%	35.188
Hoạt động tài chính	14.824	14.824	(26.413)	-178%	(17.833)
Hoạt động khác	2.767	2.767	(2.224)	-80%	(783)
Lãi (lỗ) trước thuế	25.914	27.061	35.912	133%	16.570
Lãi (lỗ) sau thuế	17.348	18.495	27.691	150%	11.012
Biên lợi nhuận	4%	4%	6%		3%

- Niên độ 2017 – 2018, doanh thu thuần hợp nhất Công ty đạt 458,7 tỷ đồng - hoàn thành 100% so với chỉ tiêu kế hoạch (không bao gồm kết quả kinh doanh từ tháng 7/2017 đến tháng 1/2018 của trường mầm non TTC Sài Gòn và trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 do chưa hoàn tất thủ tục mua bán sáp nhập). So với niên độ 2016 – 2017, doanh thu thuần hợp nhất tăng 32%, tương đương tăng 112 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 27,7 tỷ đồng, hoàn

thành 150% so với chỉ tiêu kế hoạch (không bao gồm kết quả kinh doanh từ tháng 7/2017 đến tháng 1/2018 của trường mầm non TTC Sài Gòn và trường mầm non TTC Sài Gòn 2 do chưa hoàn tất thủ tục mua bán sáp nhập). So với niên độ 2016-2017, lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 151%, tương đương tăng 16,7 tỷ đồng. Theo kế hoạch 2017 – 2018, Công ty sẽ thực hiện đầu tư tài chính với lợi nhuận từ hoạt động tài chính dự kiến đạt 14,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhờ hoạt động kinh doanh chính đạt kết quả tốt, được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị, Ban

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

điều hành đã ngừng triển khai hoạt động đầu tư tài chính này.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm tăng trưởng vượt trội. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính đạt 64,5 tỷ đồng, tăng 56,6 tỷ so với kế

hoạch và tăng 55,1 tỷ so với niên độ 2016 – 2017.

Đạt được kết quả đó là nhờ những quyết định điều hành kịp thời của Ban Điều hành và sự nỗ lực kiểm soát chi phí của các đơn vị thành viên.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Doanh thu thuần (triệu đồng)			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		
		Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	% tăng giảm	Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	% tăng giảm
KHỐI MẦM NON							
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	100%		5.786		(8)		
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	100%		4.351		116		
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	100%	15.594	17.784	14%	18	728	3876%
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế Abi Đồng Nai	100%	17.705	17.868	1%	3.331	2.532	-24%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai	100%		11.520		117		
Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	100%		7.878		(207)		
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	100%		3.452		(2.309)		
KHỐI PHỔ THÔNG							
Trường THPT Lê Quý Đôn	100%	84.438	91.629	9%	22.459	29.493	31%
Trường THCS - THPT Tân Phú	100%	46.891	64.970	39%	7.981	12.400	55%
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	100%	48.969	60.609	24%	13.592	15.774	16%
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	100%	56.005	72.824	30%	5.227	21.455	310%
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	100%	21.282	29.657	39%	1.077	2.423	125%
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	100%		16.790			467	
KHỐI CAO ĐẲNG - ĐẠI HỌC							

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Doanh thu thuần (triệu đồng)			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		
		Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	% tăng giảm	Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	% tăng giảm
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	87,78%	14.227	21.985	55%	(2.370)	(1.332)	-44%
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60%	23.186	28.781	24%	(2.961)	96	-103%
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC							
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83%	4.539	2.822	-38%	(3.111)	(207)	-93%
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	100%		-			(1)	
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	100%		1.468			40	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	100%		-			(20)	
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công – Tây Ninh	100%					(310)	

- Trường Mầm non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 được M&A vào hệ thống từ tháng 2/2018, doanh thu và lợi nhuận hai đơn vị này đóng góp vào kết quả chung không đáng kể.
- Trường Abi Đồng Nai, trường Abi Đồng Nai 2 hạch toán độc lập từ tháng 11/2017. Trước đây hai đơn vị này hạch toán phụ thuộc Tổng công ty.
- Trường THPT Lê Quý Đôn Long - Bình Tân và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn Cầu TTC vừa đi vào hoạt động trong niên độ 2017 – 2018 nên lợi nhuận đóng góp cũng không đáng kể.
- Các đơn vị: Công ty giáo dục 590, Công ty Hưng Hưng Thịnh là công ty dự án được M&A trong niên độ 2017 – 2018 nên chưa đóng góp hiệu quả vào kết quả chung. Đây là hai đơn vị trong thời gian tới sẽ góp phần mở rộng thị phần cho hệ thống giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh và Tây Ninh.
- Công ty Tư vấn Xây dựng là đơn vị hoạt động không thuộc loại hình giáo dục và cũng không có đóng góp vào kết quả chung. Tuy nhiên, Công ty này hiện đang sở hữu cơ sở vật chất cho trường Abi Đồng Nai thuê hoạt động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2016 – 2017	Năm 2017 – 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	678.994	848.968	25%
Vốn chủ sở hữu (không bao gồm cổ đông không kiểm soát)	338.760	354.282	5%
Doanh thu thuần	346.445	458.687	32%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2016 – 2017	Năm 2017 – 2018	% tăng giảm
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.355	38.136	120%
Lợi nhuận khác	(783)	(2.224)	
Lợi nhuận trước thuế	16.573	35.912	117%
Lợi nhuận sau thuế	11.012	27.691	151%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,55	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,52	1,43	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	1,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	12,02	26,65	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,51	0,54	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3%	6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3%	7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	5%	8%	

TỔNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CON NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tài sản (triệu đồng)		
		Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018	% tăng giảm
KHỐI MẦM NON				
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	100%		2.302	
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	100%		2.172	
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	100%	3.962	4.521	14%
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế Abi Đồng Nai	100%	4.501	3.791	-16%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai	100%		6.431	
Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	100%		2.588	
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	100%		2.780	
KHỐI PHỔ THÔNG				
Trường THPT Lê Quý Đôn	100%	102.425	102.035	0%
Trường THCS - THPT Tân Phú	100%	73.019	75.771	4%
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn Quyết Thắng	100%	87.587	87.484	0%
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	100%	52.398	54.833	5%
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	100%	37.034	35.235	-5%
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	100%		6.829	
KHỐI CAO ĐẲNG ĐẠI HỌC				
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	87,78%	46.278	63.782	38%
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60%	84.760	96.440	14%
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83%	10.007	9.915	-1%
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	100%		20.354	
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	100%		759	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	100%		14.955	
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công – Tây Ninh	100%		60.090	

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. VỀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Trường Mầm Non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 được nắm giữ bởi bà Đặng Huỳnh Úc My, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Giá trị chuyển nhượng lần lượt là 18,6 tỷ đồng và 11,4 tỷ đồng cho Trường Mầm Non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 và đã được thanh toán trong tháng 2 năm 2018.
- Ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp với giá trị sổ sách là 12,5 tỷ đồng, tương đương với 25% tổng vốn góp của Trường THCS - THPT Tân Phú với giá trị chuyển nhượng là 25 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Trường THCS - THPT Tân Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 100%.
- Ngày 25 tháng 8 năm 2017, được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty đã mua 1.988.440 cổ phần trong tổng số 2.000.000 cổ phần phát hành thêm của trường Đại học Yersin Đà Lạt và do đó tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 lên 87,78%.
- Ngày 20 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần và Xây dựng Giao thông Vận tải với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000.000 đồng. Bên chuyển nhượng đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng tại Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 cho Công ty.



- Ngày 12 tháng 5 năm 2018, Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh với giá chuyển nhượng là 28.300.000.000 đồng, tương ứng với 3.000.000 cổ phần, và đã được thanh toán trong tháng 5 năm 2018. Công ty Hưng Hưng Thịnh hiện đang sở hữu giấy phép đầu tư hệ thống trường từ mầm non đến phổ thông, dự án dự kiến sẽ triển khai trong năm 2018 – 2019.

B. VỀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 3663/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2017, trường đi vào hoạt động chính thức từ tháng 9/2017.
- Trường THPT Lê Quý Đôn – Long Bình Tân được thành lập theo Quyết định số: 2048/QĐ – UBND ngày 19/6/2017 và Trường đi vào hoạt động chính thức từ 9/2017.
- Công ty Giáo dục 590 triển khai đầu tư xây dựng trường Mầm non TTC Cao Cấp Sài Gòn, với chi phí xây dựng, trang thiết bị dự kiến 37 tỷ đồng.
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314783721 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2017, với số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng. Công ty đã góp đủ vốn bằng tiền mặt vào tháng 2 năm 2018. Chuẩn bị nguồn lực để triển khai xây dựng hệ thống trường mầm non đến phổ thông.



2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Do ảnh hưởng của thay đổi luật pháp về hoạt động giáo dục và sự đổi mới của chương trình giáo dục trong nước và trên thế giới. Niên độ 2017 – 2018 là một năm với nhiều thay đổi mạnh mẽ, từ cơ cấu tổ chức đến hoạt động kinh doanh. Trước bối cảnh đó, Ban điều hành đã bám sát chỉ đạo và kế hoạch kinh doanh được Hội đồng quản trị đề ra trong niên độ. Ngoài ra, Ban điều hành đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển nhằm đưa kết quả kinh doanh về đúng quỹ đạo và hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận. Cụ thể, Doanh thu thuần toàn hệ thống đạt 458,9 tỷ đồng, tăng 32% so với niên độ 2016 – 2017 và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 27,7 tỷ đồng, tăng 151% so với niên độ 2016 – 2017.
- Kết thúc niên độ 2017-2018, sĩ số trung bình toàn hệ thống đạt 14.482 học sinh, bám sát và tăng nhẹ so với kế hoạch. Sĩ số trung bình ở các trường phần lớn đạt theo kế hoạch, trừ trường Phổ thông Yersin, trường mầm non Abi Đồng Nai và trường mầm non Abi Đồng Nai 2.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

- Vốn chủ sở hữu (không bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát) và tổng tài sản tăng lên lần lượt tăng là 5% và 22,5% so với năm 2016 – 2017.
- Công ty đã đem lại cho cổ đông thêm một năm với các chỉ số tài chính luôn ở mức an toàn.



B. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ ngắn hạn

- Hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh lần lượt tăng từ 0,55 lần và 0,52 lần lên 1,44 lần và 1,43 lần. Khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty tăng đáng kể. Công ty có giá trị hàng tồn kho không đáng kể.

Nợ dài hạn

- Trong năm, Công ty phát hành 230,1 tỷ trái phiếu TCBS để thực hiện đầu tư tài chính và đầu tư dự án. Điều này dẫn đến tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,41 lần lên 0,53 lần. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 0,71 lần lên 1,15 lần. Tuy nhiên các tỷ lệ này vẫn đảm bảo an toàn, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản nhỏ hơn 1,0 lần và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 1,5 lần.
- Công ty không có nợ xấu phải trả và không chịu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Hoàn thiện mô hình quản lý và đội ngũ quản lý chủ chốt, tinh gọn và tập trung sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả.
- Rà soát phân quyền tại TCT – các Trường đảm bảo phù hợp theo từng giai đoạn.
- Phối hợp với kiểm toán nội bộ để phát huy cơ chế giám sát kịp thời, hiệu quả.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

A. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH TÍNH TỚI THỜI ĐIỂM 30/6/2018

Bà Trần Quế Trang – Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 08/08/1980
Nơi sinh : Bạc Liêu
Địa chỉ thường trú : 173 Thái Phiên, Phường 9, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Tỉ lệ cổ phần nắm giữ : 0%

Bà Dương Thục Linh – Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ngày sinh : 21/01/1982
Nơi sinh : Lâm Đồng
Địa chỉ thường trú : 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD và Cử nhân sư phạm
Tỉ lệ cổ phần nắm giữ : 0%

Ông Đinh Hoàng Triều – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 30/04/1985
Nơi sinh : Đồng Nai
Địa chỉ thường trú : 113L Chung cư Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10. Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Tỉ lệ cổ phần nắm giữ : 0%

Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh – Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ngày sinh : 13/03/1986
Nơi sinh : TP. HCM
Địa chỉ thường trú : 6/2A Hưng Long, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Tỉ lệ cổ phần nắm giữ : 0%

Ông Nguyễn Danh Hiếu – Kế toán Trưởng

Ngày sinh : 10/12/1988
Nơi sinh : TP. HCM
Địa chỉ thường trú : B70/ 26 Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Tỉ lệ cổ phần nắm giữ : 0%



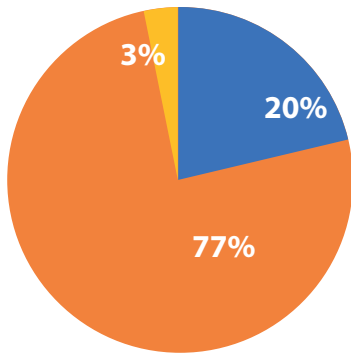
B. DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH NIÊN ĐỘ 2017 – 2018

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày thời nhiệm
1	Đặng Huỳnh Úc My	Tổng Giám đốc	26/04/2016	01/02/2018
2	Phạm Thị Thu Trang	Phó TGD thường trực	26/05/2017	01/01/2018
3	Nguyễn Tâm Hòa	Phó TGD tài chính	26/05/2017	15/10/2017
4	Nguyễn Thị Mỹ Thuýn	Phó Tổng Giám đốc	26/05/2017	01/01/2018
5	Đặng Hồng Tuyên	Kế toán Trưởng	01/07/2017	01/02/2018
6	Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc	01/02/2018	
7	Dương Thục Linh	Phó TGD thường trực	01/01/2018	
8	Trần Anh Vinh Thịnh	Phó TGD tài chính	03/03/2018	
9	Nguyễn Danh Hiếu	Kế toán Trưởng	16/05/2018	

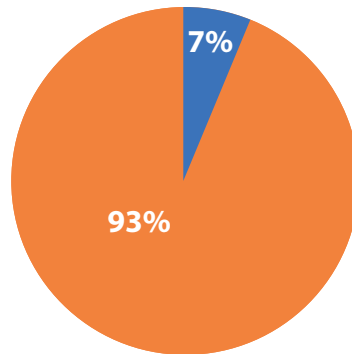
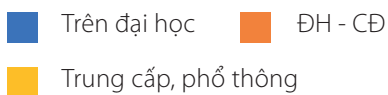
C. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	98	100%
1	Trình độ trên đại học	19	20
2	Trình độ đại học, cao đẳng	76	77
3	Trình độ trung cấp	0	0
4	Lao động phổ thông	3	3
II	Loại hợp đồng lao động	80	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	6	7.5
2	Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm	74	92.5
III	Theo giới tính	98	100%
1	Nam	43	44
2	Nữ	55	56

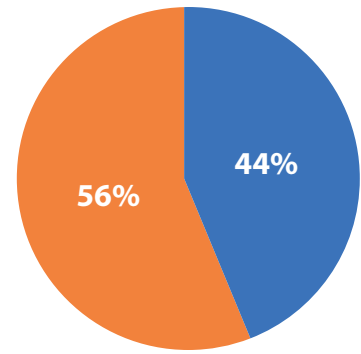
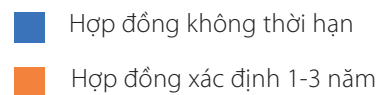
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017 – 2018



Trình độ lao động



Loại hợp đồng lao động



Giới tính



D. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG

- Chính sách lương thưởng được xác định dựa vào năng suất lao động của cán bộ nhân viên và hiệu quả của hoạt động kinh doanh; đảm bảo có sự công bằng, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật. Đồng thời, chính sách của công ty cũng quy định cụ thể trong Quy chế tiền lương, quy chế thi đua khen thưởng và thỏa ước lao động tập thể cũng như phổ biến rộng rãi đến từng người lao động trong công ty.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

- Hệ thống E-learning được triển khai cho toàn hệ thống Tổng công ty nhằm ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đào tạo, hội nhập cán bộ - nhân viên. Thông qua kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm và tích hợp vào hệ thống giúp người học dễ dàng tiếp cận thông tin kiến thức ở mọi nơi. Đến nay công ty đã đào tạo được những lớp thể hệ cán bộ - nhân viên đủ năng lực đáp ứng được hoạt động kinh doanh của công ty.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

- Hàng năm công ty tổ chức đợt khám sức khỏe định kì cho 100% cán bộ - nhân viên công ty. Bên cạnh đó, hàng năm công ty sẽ rà soát lại các chế độ phúc lợi người lao động nhằm kịp thời sửa đổi phù hợp với tình hình kinh tế xã hội.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2018 – 2019

- Hoàn công: trường mầm non Abi Bến Tre
- Bàn giao: TTC Elite SG đúng tiến độ
- Khởi công: Dự án 3 cấp tại Tây Ninh và trường mầm non TTC Elite Đồng Nai
- Xúc tiến dự án: Gò Vấp, Quận 6, Long An, Đồng Nai
- Chủ động hợp tác với các đơn vị phát triển bất động sản trong hệ thống và trên thị trường để mở rộng quỹ đất giáo dục phù hợp.

3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm được sự thay đổi về chính sách pháp luật trong hoạt động giáo dục và sự đổi mới của chương trình giáo dục trong nước, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đề ra những chủ trương, chiến lược kịp thời để phát triển công ty. Thông qua các chủ trương đã được đề ra dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Công ty đã hoàn thành xuất sắc được nhiệm vụ và đưa kết quả kinh doanh về đúng quỹ đạo và hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

vụ của Hội đồng Quản trị đề ra trong niên độ 2017 – 2018. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã tham mưu Hội đồng Quản trị để đưa ra những chiến lược, giải pháp linh động kịp thời giải quyết những khó khăn trước mắt và đạt được những thành tựu nhất định trong năm như sau:

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu tài chính được đề ra trong năm;
- Hoàn thành tốt trong công tác kiểm soát chi phí;
- Công tác kiện toàn bộ máy nhân sự của Tổng Công ty và các Trường thành viên, chăm lo đời sống của cán bộ nhân viên, giáo viên về các chế độ, lương thưởng, chế độ phúc lợi.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2018 – 2019

- Trở thành một trong năm hệ thống chuỗi giáo dục tại Việt Nam;
- Mầm non: hoàn thiện mô hình giáo dục thành nhân và giáo dục hội nhập, giáo dục, bồi dưỡng

nhân cách dựa trên những mô hình giáo dục tiên tiến và duy trì truyền thống tôn trọng lễ nghĩa.

- Phổ thông: đào tạo chương trình hướng nghiệp - thực hành nghề - kỹ năng, tạo bước đệm vững chắc tiến lên các bậc học cao hơn trong nước và quốc tế.
- Cao đẳng – Đại học: đầu tư các chương trình đào tạo tín chỉ nghề ngắn hạn, liên thông đại học và liên kết quốc tế, thành lập các viện sau đại học; thu hút nhân tài, nhà khoa học trong và ngoài nước; đầu tư cơ sở vật chất hiện đại hình thành thành phố giáo dục TTC EDU. Đây sẽ là mô hình thành phố giáo dục khép kín với trường đại học, viện nghiên cứu, khu startups, khu biệt thự lưu trú...

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

A. CỔ PHẦN:

- Tổng số cổ phần: 35.000.000 Cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phần

B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: TÍNH TỚI THỜI ĐIỂM 30/6/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	4	35.000.000	350.000.000.000	100%
2	Cổ đông cá nhân	3	31.250.000	312.500.000.000	89.29%
3	Cổ đông tổ chức	1	3.750.000	37.500.000.000	10.71%

C. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần đầu tư Thành Thành Công	3.750.000	37.500.000.000	10.71%
2	Đặng Huỳnh Ước My	30.650.000	306.500.000.000	87.57%

D. CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- 27/2/1018: Công ty chính thức niêm yết gói trái phiếu 150 tỷ VNĐ theo quyết định số 58/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM
- 21/6/2018: Công ty tiếp tục niêm yết gói trái phiếu 80,1 tỷ VNĐ theo quyết định số 218/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Các hoạt động sử dụng năng lượng chủ yếu của Công ty đến từ việc quản lý của khối Văn phòng. Nhờ vào sự kiểm soát chi phí chặt chẽ cũng như ý thức của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty luôn sử dụng năng lượng điện hiệu quả, tiết kiệm chi phí cho Công ty
- Với đặc thù ngành đầu tư về lĩnh vực Giáo dục, Công ty thực hiện đầy đủ các cam kết về môi trường, hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại.
- Tăng tỉ lệ các nguyên liệu, vật liệu sản phẩm tái chế nhằm giảm bớt chất thải cho môi trường.

2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Công ty luôn đảm bảo Cán bộ công nhân viên được chăm lo đầy đủ về vật chất, sức khỏe, tinh thần vì biết đây chính là nguồn nhân lực chính đem lại sự phát triển bền vững cho công ty.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng của cán bộ nhân viên cũng được chú trọng, nhằm xây dựng đội ngũ hiện hữu và kế thừa chuyên nghiệp, xuất sắc. Đây là tiền đề cho sự phát triển bền vững của công ty. Với thông điệp “Vì cộng đồng, thấp sáng ước mơ”, Công ty đồng thời cam kết đào tạo ra nguồn nhân lực có ĐỨC lẫn TÀI, đóng góp hữu ích cho sự phát triển chung của đất nước.
- Chính sách tuyển dụng được xây dựng và thực thi một cách linh hoạt và phù hợp với mục đích phát triển của Công ty. Nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng được các tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn, kiến thức để đảm

bảo hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Đồng thời, Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi đảm bảo sự công bằng và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên và người lao động. Bên cạnh đó, các chế độ bảo hiểm như: BHXH, BHTN, BHYT, ... luôn được công ty hỗ trợ đầy đủ. Hơn thế nữa, cán bộ nhân viên được thưởng nhân các dịp lễ, tết, thăm hỏi khi bị đau ốm, trợ cấp khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường các hoạt động, phong trào văn hóa, thể dục – thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó giữa người lao động với Công ty.

3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan niệm rằng trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đang được xem như là một trong những chiến lược kinh doanh hàng đầu của doanh nghiệp hơn là những quy định hay từ thiện bắt buộc. Triển khai tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không những sẽ giúp cho doanh nghiệp kinh doanh tốt mà còn hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược liên quan đến kinh doanh và các vấn đề xã hội. Do vậy, năm 2017 vừa qua, Công ty đã tích cực thực hiện các hoạt động mang ý nghĩa phúc lợi xã hội cao như: Trao tặng 29 phần học bổng toàn phần cho sinh viên trường Đại học Yersin Đà Lạt, chương trình Hiến máu tự nguyện triển khai toàn hệ thống Giáo dục TTC bao gồm Tổng Công ty và 17 Trường thành viên; Tặng sách tại 2 huyện Vĩnh Hưng và Mộc Hóa tỉnh Long An, ...





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30.6.2018





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

NỘI DUNG

TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	41
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	42
Báo cáo kiểm toán độc lập	43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	45
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	46
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	49
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	60

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Huỳnh Ước My
Bà Nguyễn Thái Hà
Bà Lê Thị Xuân Đức
Ông Lê Ngọc Thông

Chủ tịch
Thành viên (bổ nhiệm ngày 2.8.2017)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 15.3.2018)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 17.7.2017)
(miễn nhiệm ngày 17.7.2018)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 15.3.2018)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 15.3.2018)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 2.8.2017)

Ông Hoàng Mạnh Tiến
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai
Bà Phạm Thị Thu Trang
Bà Phạm Vũ Thanh Hà
Bà Châu Kim Yến

Ban Tổng giám đốc

Bà Dương Thục Linh
Bà Trần Quế Trang

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31.7.2018)
Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018)
(miễn nhiệm ngày 31.7.2018)

Bà Dương Thục Linh

Phó Tổng Giám đốc Thường trực
(miễn nhiệm ngày 31.7.2018)

Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuyên

Phó Tổng Giám đốc Thường trực
(miễn nhiệm ngày 1.1.2018)

Ông Đinh Hoàng Triều

Phó Tổng Giám đốc Thường trực
(bổ nhiệm ngày 31.7.2018)

Ông Đinh Hoàng Triều

Phó Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm ngày 1.2.2018)

Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh

Tổng Giám đốc Tài chính
(bổ nhiệm ngày 3.3.2018)

Bà Phạm Thị Thu Trang

Phó Tổng Giám đốc Thường trực
(miễn nhiệm ngày 1.1.2018)

Ông Nguyễn Tâm Hòa

Phó Tổng Giám đốc Tài chính
(miễn nhiệm ngày 15.10.2017)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Đặng Huỳnh Ước My

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 52. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc

Được ủy quyền bởi Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018, và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 52

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7445
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Hồ Ngọc Thăng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2018-006-1



Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.013.724.275	65.143.907.872
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	59.675.413.659	6.717.908.360
111	Tiền		22.675.413.659	6.717.908.360
112	Tương đương tiền		37.000.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		45.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		59.571.866.541	44.840.071.900
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.807.428.000	2.129.379.629
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.747.896.309	13.987.926.565
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	7.883.171.144	17.883.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	48.621.801.790	16.274.720.525
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(16.488.430.702)	(5.435.125.963)
140	Hàng tồn kho	10	1.262.813.838	3.427.084.442
141	Hàng tồn kho		1.262.813.838	3.427.084.442
150	Tài sản ngắn hạn khác		8.458.630.237	10.158.843.170
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	6.310.670.552	7.046.320.166
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.633.700.638	2.636.901.580
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18(a)	514.259.047	475.621.424
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		719.954.058.007	613.850.424.862
210	Khoản phải thu dài hạn		5.672.773.744	3.138.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	5.672.773.744	3.138.000.000
220	Tài sản cố định		424.966.133.064	412.032.013.949
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	310.252.174.756	289.035.258.575
222	Nguyên giá		494.997.144.553	450.419.220.476
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(184.744.969.797)	(161.383.961.901)
227	Tài sản cố định vô hình	12(a)	114.713.958.308	122.996.755.374
228	Nguyên giá		125.437.517.091	144.554.151.649
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.723.558.783)	(21.557.396.275)
230	Bất động sản đầu tư	13	5.495.182.434	5.743.116.474
231	Nguyên giá		8.739.788.392	8.739.788.392
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.244.605.958)	(2.996.671.918)
240	Tài sản dở dang dài hạn		181.565.619.356	138.341.497.745
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	181.565.619.356	138.341.497.745
260	Tài sản dài hạn khác		102.254.349.409	54.595.796.694
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	34.751.190.469	20.929.598.933
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	148.106.766	-
269	Lợi thế thương mại		67.355.052.174	33.666.197.761
270	TỔNG TÀI SẢN		848.967.782.282	678.994.332.734

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

B01-DN/HN

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		454.186.656.322	281.462.233.468
310	Nợ ngắn hạn		89.428.633.864	119.422.249.468
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	14.973.596.234	27.100.625.280
312	Người mua trả tiền trước	17	4.635.998.643	3.091.431.608
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	18(b)	3.422.584.741	3.369.523.543
314	Phải trả người lao động		502.392.558	7.247.248.133
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	20.819.909.369	12.715.694.844
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.946.523.719	419.535.071
319	Phải trả ngắn hạn khác	20	6.231.147.307	13.889.940.989
320	Vay ngắn hạn	21(a)	35.470.590.789	51.588.250.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	1.425.890.504	-
330	Nợ dài hạn		364.758.022.458	162.039.984.000
337	Phải trả dài hạn khác		38.000.000	-
338	Vay dài hạn		363.188.672.208	161.278.390.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn		1.531.350.250	761.594.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		394.781.125.960	397.532.099.266
410	Vốn chủ sở hữu		394.781.125.960	397.532.099.266
411	Vốn góp của chủ sở hữu	23,24	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	23	350.000.000.000	350.000.000.000
414	Quỹ đầu tư phát triển	24	58.194.418	28.645.813
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	24	4.224.217.632	(11.268.275.314)
421a	- Lỗ lũy kế của các năm trước		(18.068.465.768)	(364.098.000)
421b	- LNST chưa phân phối/(lỗ) của năm này		22.292.683.400	(10.904.177.314)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	40.498.713.910	58.771.728.767
440	TỔNG NGUỒN VỐN		848.967.782.282	678.994.332.734

Nguyễn Thị Hương
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp	464.000.978.113	348.767.412.959
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.314.040.083)	(2.322.512.933)
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.686.938.030	346.444.900.026
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(249.964.497.179)	(202.273.933.337)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.722.440.851	144.170.966.689
21	Doanh thu hoạt động tài chính	9.515.122.557	1.414.630.100
22	Chi phí tài chính	(35.928.246.293)	(19.247.777.390)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(35.271.345.712)	(19.207.581.857)
25	Chi phí bán hàng	(1.014.167.973)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(143.158.938.647)	(108.982.511.570)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.136.210.495	17.355.307.829
31	Thu nhập khác	1.217.364.529	803.770.839
32	Chi phí khác	(3.441.213.191)	(1.586.511.424)
40	Lỗ khác	(2.223.848.662)	(782.740.585)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.912.361.833	16.572.567.244
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(8.369.249.129)	(5.560.265.664)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	148.106.766	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.691.219.470	11.012.301.580
	Phân bổ cho		
61	LNST của cổ đông Công ty	26.428.838.150	7.714.616.328
62	LNST của cổ đông không kiểm soát	1.262.381.320	3.297.685.252



Nguyễn Thị Hương
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

B03-DN/HN

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	35.912.361.833	16.572.567.244
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	36.815.704.016	28.553.253.852
03	Các khoản dự phòng	577.519.563	4.512.784.881
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(9.917.988.911)	(1.700.754.739)
06	Chi phí lãi vay	35.271.345.712	19.207.581.857
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	98.658.942.213	67.145.433.095
09	Tăng các khoản phải thu	(24.720.467.269)	(11.540.457.511)
10	Giảm hàng tồn kho	2.522.788.780	1.558.399.668
11	Tăng các khoản phải trả	6.369.724.550	13.873.329.403
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	880.414.378	(6.596.673.902)
14	Tiền lãi vay đã trả	(35.654.806.248)	(19.468.971.046)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.035.578.790)	(5.160.858.640)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.027.400.156)	(4.889.614.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	33.993.617.458	34.920.586.906
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(84.092.819.934)	(110.655.136.033)
22	Thu từ thanh lý tài sản cố định	788.843.788	838.963.204
23	Chi cho vay và tiền gửi ngân hàng	(378.545.000.000)	(15.500.000.000)
24	Thu hồi cho vay	416.800.000.000	16.616.828.856
25	Chi đầu tư vốn vào các đơn vị khác	(123.563.837.113)	(12.641.252.634)
27	Thu lãi cho vay	8.534.994.232	112.857.766
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(160.077.819.027)	(121.227.738.841)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	-	100.000.000.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	35 251.968.888.287	113.539.140.000
34	Chi trả nợ gốc vay	35 (66.176.265.290)	(103.547.500.000)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	(6.750.916.129)	(19.722.068.912)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	179.041.706.868	90.269.571.088
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	52.957.505.299	3.962.419.153
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 6.717.908.360	2.755.489.207
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 59.675.413.659	6.717.908.360

Nguyễn Thị Hương
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Đương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm được trình bày ở Thuyết minh 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực giày da, dệt may và kinh tế; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản và dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có 1.672 nhân viên (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.321 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 22 công ty con (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12 công ty con) như sau:

B09-DN/HN

STT	CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
				30.6.2018 %	30.6.2017 %
KHOẢNG MẦM NON					
1	Trường Mầm non TTC Sài Gòn (i)	Giáo dục	TP. HCM	100	-
2	Trường Mầm non TTC Sài Gòn (ii)	Giáo dục	TP. HCM	100	-
3	Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	Giáo dục	Bình Dương	100	100
4	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
5	Trường Mầm non ABI Đồng Nai (iii)	Giáo dục	Đồng Nai	100	-
6	Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2 (iv)	Giáo dục	Đồng Nai	100	-
7	Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre (v)	Giáo dục	Bến Tre	100	-
KHOẢNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC					
8	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
9	Trường THCS - THPT Tân Phú (vi)	Giáo dục	TP. HCM	100	75
10	Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
11	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
12	Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
13	Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	Giáo dục	Lâm Đồng	100	100
KHOẢNG ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG					
14	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (vii)	Giáo dục	Lâm Đồng	87,78	81,96
15	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Giáo dục	Lâm Đồng	60	60

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

B09-DN/HN

STT	CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ			
				30.6.2018	%	30.6.2018	%
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC							
16	Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh (vii)	Giáo dục	Tây Ninh	100		-	
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Tư vấn thiết kế và xây dựng	Đồng Nai	89,83		89,83	
18	Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 (viii)	Giáo dục	TP. HCM	100		-	
19	Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	Giáo dục	Đồng Nai	100		100	
20	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	Giáo dục	Đồng Nai	100		100	
21	Công ty TNHH MTV Học viện TTC	Giáo dục	TP. HCM	100		100	
22	Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh (ix)	Giáo dục	Tây Ninh	100		-	

(i) Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết tại ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Trường Mầm non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 được nắm giữ bởi bà Đặng Huỳnh Ước My, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Giá trị chuyển nhượng lần lượt là 18,6 tỷ đồng và 11,4 tỷ đồng cho Trường Mầm non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non Sài Gòn 2 và đã thanh toán trong tháng 2 năm 2018 (Thuyết minh 35(a)(vii)).

(ii) Trường Mầm non ABI Đồng Nai trước đây là một chi nhánh của Công ty và được chuyển đổi thành công ty con vào ngày 18 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa.

(iii) Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2 trước đây là một chi nhánh của Công ty và được chuyển đổi thành công ty con ngày 31 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định số 2202/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa.

(iv) Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 3663/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2017.

(v) Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký tại ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, một cổ đông của Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trị giá là 12,5 tỷ đồng, tương đương với 25% tổng vốn góp của Trường THCS - THPT Tân Phú với giá trị chuyển nhượng là 25 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Trường THCS - THPT Tân Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 100%.

(vi) Ngày 25 tháng 8 năm 2017, được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty đã mua 1.988.440 cổ phần trong tổng số 2.000.000 cổ phần phát hành thêm của trường Đại học Yersin Đà Lạt, và do đó tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 lên 87,78%.

(vii) Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314783721 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2017, với số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng. Công ty đã góp đủ vốn bằng tiền mặt vào tháng 2 năm 2018.

(viii) Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314016515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2016, với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 0916/HĐKT590/CNT-TTC ngày 20 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần và Xây dựng Giao thông Vận tải với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000.000 đồng. Bên chuyển nhượng đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng tại Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 cho Công ty.

(ix) Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900974473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh cấp ngày 6 tháng 7 năm 2011, với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng số 27/HĐNT ngày 12 tháng 5 năm 2018, Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh được nắm bởi bà Phan Thị Bích Trâm, ông Phan Hồng Phong và Công ty Cổ phần TTP Land với tổng giá chuyển nhượng là 28.300.000.000 đồng, tương ứng với 3.000.000 cổ phần, và đã thanh toán trong tháng 5 năm 2018. Tại ngày 12 tháng 5 năm 2018, bên chuyển nhượng đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng tại Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh cho Công ty.



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

■ Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

■ Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	7 - 13 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Khác...	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 42 năm đến 58 năm phù hợp với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

5 - 50 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 3 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm tiền học phí hoàn lại cho học sinh được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.24 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.27 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. HỢP NHẤT KINH DOANH

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:

- (a) Mua vốn chủ sở hữu của Trường Mầm non TTC Sài Gòn (trước đây là Trường Mầm non ABI) và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 (trước đây là Trường Mầm non ABI 2) (Thuyết minh 1(i)).
- (b) Mua vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh (Thuyết minh 1(ix)).
- (c) Mua vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 (Thuyết minh 1(viii)).



Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tại ngày mua của các công ty trên được xác định và trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua				
	Trường Mầm non TTC Sài Gòn VND	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 VND	Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh VND	Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền	602.070.276	427.306.152	54.844.119	4.438.644	1.088.659.191
Các khoản phải thu ngắn hạn	149.021.563	13.438.000	-	-	162.459.563
Các khoản phải thu khác	-	-	-	13.487.799.753	13.487.799.753
Trả trước cho người bán	-	-	1.622.363.333	-	1.622.363.333
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	137.069.237	137.069.237
Hàng tồn kho	141.840.662	216.677.514	-	-	358.518.176
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	28.300.000.000	-	28.300.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12(a))	115.493.290	639.847.495	-	-	755.340.785
Chi phí xây dựng cơ bản (Thuyết minh 14)	-	-	-	6.370.692.366	6.370.692.366
Chi phí trả trước (Thuyết minh 11)	1.486.008.336	922.000.203	-	-	2.408.008.539
Nợ phải trả					
Nợ ngắn hạn khác	(408.539.542)	(415.217.117)	(2.175.147)	-	(825.931.806)
Nợ dài hạn khác	(253.425.000)	(182.475.000)	-	-	(435.900.000)
Tài sản thuần	1.832.469.585	1.621.577.247	14.975.032.305	20.000.000.000	38.429.079.137
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 15)	16.767.530.415	9.778.422.753	13.324.967.695	-	39.870.920.863
Giá trị hợp nhất kinh doanh	18.600.000.000	11.400.000.000	28.300.000.000	20.000.000.000	78.300.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con					
Giá trị hợp nhất kinh doanh đã thanh toán bằng tiền (18.600.000.000)	(11.400.000.000)	(28.300.000.000)	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	(78.300.000.000)
Khoản tiền thu được từ việc hợp nhất kinh doanh	602.070.276	427.306.152	54.844.119	4.438.644	1.088.659.191
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua	(17.997.929.724)	(10.972.693.848)	(28.245.155.881)	(19.995.561.356)	(77.211.340.809)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

B09-DN/HN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	1.141.907.054	475.799.513
Tiền gửi ngân hàng	21.533.506.605	6.242.108.847
Khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	-
	<u>59.675.413.659</u>	<u>6.717.908.360</u>

(*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn ban đầu là 3 tháng và hưởng lãi suất 4,7%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

B09-DN/HN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Johnson Wood	643.500.000	-
Khác	3.882.528.000	2.129.379.629
	<u>4.526.028.000</u>	<u>2.129.379.629</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(i))	281.400.000	-
	<u>4.807.428.000</u>	<u>2.129.379.629</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 993.354.000 đồng và 966.204.000 đồng, như được trình bày ở Thuyết minh 9.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

B09-DN/HN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	3.568.493.939	-
Công ty TNHH Phần mềm và Tư vấn Kim Tự Tháp	2.307.520.000	-
Công ty TNHH Hoàng Vương Minh	1.401.512.440	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	-	3.000.000.000
Khác	6.800.794.473	10.428.873.750
	<u>14.078.320.852</u>	<u>13.428.873.750</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(ii))	669.575.457	559.052.815
	<u>14.747.896.309</u>	<u>13.987.926.565</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

B09-DN/HN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba	7.883.171.144	9.383.171.144
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(iii))	-	8.500.000.000
	<u>7.883.171.144</u>	<u>17.883.171.144</u>

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp có kỳ hạn thu hồi còn lại bằng hoặc dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 10,5% đến 11% mỗi năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: từ 0,3% đến 11% mỗi năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 7.883.171.144 đồng và 9.383.171.144 đồng, như đã trình bày trong Thuyết minh 9.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Phải thu ngắn hạn khác				
Bên thứ ba				
Bà Lưu Thị Hoa	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-	-
Phải thu lãi cho vay	4.986.963.226	-	4.004.756.780	-
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.814.185.709	(769.693.702)	4.244.843.173	(644.101.369)
Khác	7.867.283.226	-	8.022.523.350	(4.099.437.594)
	<u>30.668.432.161</u>	<u>(15.769.693.702)</u>	<u>16.272.123.303</u>	<u>(4.743.538.963)</u>
Bên liên quan				
(Thuyết minh 35(b)(iv))				
Tạm ứng cho Ban Tổng				
Giám đốc	14.197.495.769	-	-	-
Phải thu lãi cho vay	2.531.524.935	-	2.597.222	-
Khác	1.224.348.925	-	-	-
	<u>17.953.369.629</u>	<u>-</u>	<u>2.597.222</u>	<u>-</u>
	<u>48.621.801.790</u>	<u>(15.769.693.702)</u>	<u>16.274.720.525</u>	<u>(4.743.538.963)</u>

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(b) Phải thu dài hạn khác				
Bên thứ ba				
Ký quỹ, ký cược (*)	2.500.300.000	-	2.837.800.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.500.000	-	25.000.000	-
Khác	275.200.000	-	275.200.000	-
	<u>2.780.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.138.000.000</u>	<u>-</u>
Bên liên quan				
(Thuyết minh 35(b)(v))				
Ký quỹ, ký cược	2.892.773.744	-	-	-
	<u>5.672.773.744</u>	<u>-</u>	<u>3.138.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Đây là các khoản tiền ký quỹ cho các bên thứ ba liên quan đến việc thuê đất, thuê văn phòng và chuyển nhượng vốn của Công ty.

9. NỢ QUÁ HẠN

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

B09-DN/HN

30.6.2018				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số năm quá hạn
Bà Lưu Thị Hoa (Thuyết minh 8(a))	12.000.000.000	-	12.000.000.000	Trên 2 năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7) (*)	7.883.171.144	7.883.171.144	-	Trên 2 năm
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 8(a)) (*)	4.986.963.226	4.986.963.226	-	Trên 2 năm
Ông Nguyễn Quốc Hùng (Thuyết minh 8(a))	3.000.000.000	-	3.000.000.000	Trên 4 năm
Tạm ứng cho nhân viên (Thuyết minh 8(a))	1.214.368.133	444.674.431	769.693.702	Trên 2 năm
Phải thu học phí (Thuyết minh 5)	993.354.000	274.617.000	718.737.000	Trên 2 năm
	30.077.856.503	13.589.425.801	16.488.430.702	
30.6.2017				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số năm quá hạn
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7) (*)	9.383.171.144	9.383.171.144	-	Trên 1 năm
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 8(a)) (*)	4.004.756.780	4.004.756.780	-	Trên 1 năm
Tạm ứng cho nhân viên (Thuyết minh 8(a))	1.089.850.438	445.749.069	644.101.369	Trên 1 năm
Phải thu học phí (Thuyết minh 5)	966.204.000	274.617.000	691.587.000	Trên 1 năm
Khác (Thuyết minh 8(a))	4.099.437.594	-	4.099.437.594	Trên 1 năm
	19.543.419.956	14.108.293.993	5.435.125.963	

(*) Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu lãi cho vay bị quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 là có khả năng thu hồi.

10. HÀNG TỒN KHO

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	264.850.960	-	132.234.630	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	936.364.166	-	3.212.783.482	-
Hàng hóa	52.890.292	-	82.066.330	-
Công cụ, dụng cụ	8.708.420	-	-	-
	1.262.813.838	-	3.427.084.442	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

B09-DN/HN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
(a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.337.284.125	4.674.571.313
Chi phí tuyển sinh	1.506.365.187	-
Chi phí khác	1.467.021.240	2.371.748.853
	6.310.670.552	7.046.320.166
(b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	23.572.729.640	14.212.470.873
Quyền sử dụng đất	6.803.259.939	-
Chi phí sửa chữa	2.227.578.984	6.105.448.674
Cơ sở vật chất	1.395.678.605	-
Chi phí khác	751.943.301	611.679.386
	34.751.190.469	20.929.598.933

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

B09-DN/HN

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	27.975.919.099	14.663.989.706
Tăng từ mua mới trong năm	56.117.513.853	36.353.660.048
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	2.408.008.539	-
Phân bổ trong năm	(45.706.603.486)	(23.604.650.043)
Thay đổi khác	267.023.016	562.919.388
	41.061.861.021	27.975.919.099

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

B09-DN/HN

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	406.224.923.988	29.476.729.620	8.989.315.835	5.728.251.033	450.419.220.476
Mua trong năm	10.269.689.117	9.769.036.409	2.774.247.000	3.730.857.599	26.543.830.125
Xây dựng cơ bản chuyển sang (Thuyết minh 14)	18.163.028.406	1.580.635.245	-	305.710.000	20.049.373.651
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	115.493.290	-	714.764.098	830.257.388
Thanh lý	(1.102.772.796)	(234.650.000)	(871.573.600)	(514.331.675)	(2.723.328.071)
Khác	(153.767.698)	31.558.682	-	-	(122.209.016)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	433.401.101.017	40.738.803.246	10.891.989.235	9.965.251.055	494.997.144.553
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	134.034.027.452	18.238.300.861	4.765.255.963	4.346.377.625	161.383.961.901
Khấu hao trong năm	18.778.378.571	5.070.911.368	846.653.991	970.212.646	25.666.156.576
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	12.832.588	-	62.084.015	74.916.603
Thanh lý	(1.102.772.796)	(179.191.667)	(541.573.600)	(514.331.676)	(2.337.869.739)
Khác	(10.721.336)	(61.524.368)	-	30.050.160	(42.195.544)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	151.698.911.891	23.081.328.782	5.070.336.354	4.894.392.770	184.744.969.797
Giá trị còn lại					
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	272.190.896.536	11.238.428.759	4.224.059.872	1.381.873.408	289.035.258.575
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	281.702.189.126	17.657.474.464	5.821.652.881	5.070.858.285	310.252.174.756

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 26,8 tỷ đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 10,8 tỷ đồng).
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 93,6 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 96,5 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 21).

(b) Tài sản cố định vô hình

B09-DN/HN

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	141.942.091.516	2.192.434.200	419.625.933	144.554.151.649
Mua trong năm	-	1.042.555.000	-	1.042.555.000
Khác	(20.014.375.558)	(144.814.000)	-	(20.159.189.558)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	121.927.715.958	3.090.175.200	419.625.933	125.437.517.091
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	19.726.127.929	1.607.884.444	223.383.902	21.557.396.275
Khấu hao trong năm	2.040.143.155	249.004.168	88.130.804	2.377.278.127
Khác	(13.211.115.619)	-	-	(13.211.115.619)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	8.555.155.465	1.856.888.612	311.514.706	10.723.558.783
Giá trị còn lại				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	122.215.963.587	584.549.756	196.242.031	122.996.755.374
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	113.372.560.493	1.233.286.588	108.111.227	114.713.958.308

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 1.572.578.433 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.333.903.433 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 105,6 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 75,4 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 21).

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

B09-DN/HN

Nhà cửa, vật kiến trúc VND

Nguyên giá

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2018 8.739.788.392

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 2.996.671.918
Khấu hao trong năm 247.934.040

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 3.244.605.958

Giá trị còn lại

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 5.743.116.474

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 5.495.182.434

Nguyên giá bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 451.953.447 đồng.

Ban Tổng Giám đốc tin rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chi thuê xấp xỉ giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

B09-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Dự án Trường Mầm non tại Bến Tre	59.379.742.771	21.422.093.417
Dự án mở rộng tại Trường THPT Lê Quý Đôn	35.867.702.686	60.735.531.985
Dự án tại Đồng Nai (*)	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án mở rộng tại Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	24.867.829.299	-
Khu bán trú và nhà ăn tại Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	19.339.450.000	19.339.450.000
Dự án tại Long Thành	3.554.400.000	3.554.400.000
Dự án Trường Mầm non tại Sài Gòn	8.469.585.953	-
Dự án Trường Mầm non tại Tây Ninh	1.652.593.333	-
Khác	1.284.863.220	6.140.570.249
	181.565.619.356	138.341.497.745

(*) Đây là chi phí mua lại 5 căn nhà ở để phục vụ cho một dự án của Công ty ở Đồng Nai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ dự án để thế chấp cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát, một công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát, một cổ đông của Công ty.

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

B09-DN/HN

**Năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	138.341.497.745	102.151.785.610
Xây dựng thêm	61.513.076.718	81.161.759.558
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	6.370.692.366	932.710.397
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12(a))	(20.049.373.651)	(29.622.650.205)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(8.574.402.853)
Chuyển sang chi phí trả trước	(4.578.225.022)	(7.707.704.762)
Khác	(32.048.800)	-
Số dư cuối năm	181.565.619.356	138.341.497.745

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

B09-DN/HN

VND

Nguyên giá

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 46.326.859.971
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3) 39.870.920.863

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 86.197.780.834

Phân bổ lũy kế

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 12.660.662.210
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 31) 6.182.066.450

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 18.842.728.660

Giá trị còn lại

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 33.666.197.761

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 67.355.052.174

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển và Đầu tư An Phúc	7.802.373.650	7.802.373.650	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.979.677.298	1.979.677.298	1.983.859.568	1.983.859.568
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Lan	1.014.333.397	1.014.333.397	357.866.100	357.866.100
Khác	2.853.238.339	2.853.238.339	3.081.793.308	3.081.793.308
	13.649.622.684	13.649.622.684	5.423.518.976	5.423.518.976
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(vi))	1.323.973.550	1.323.973.550	21.677.106.304	21.677.106.304
	14.973.596.234	14.973.596.234	27.100.625.280	27.100.625.280

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

B09-DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
	Tiền học phí	4.635.998.643

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

B09-DN/HN

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
(a) Phải thu					
Thuế TNDN	448.054.645	-	-	-	448.054.645
Thuế thu nhập cá nhân	25.382.979	(31.781.092)	70.448.715	-	64.050.602
Nghĩa vụ khác	2.183.800	2.500.000	(2.530.000)	-	2.153.800
	475.621.424	(29.281.092)	67.918.715	-	514.259.047

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
(b) Phải nộp					
Thuế TNDN	1.256.450.602	8.430.487.434	(8.035.578.790)	-	1.651.359.246
Thuế thu nhập cá nhân	1.340.993.005	5.566.181.296	(6.099.565.195)	(18.926.031)	788.683.075
Thuế GTGT đầu ra	772.079.936	3.488.589.742	(1.476.895.971)	(1.841.231.287)	942.542.420
Nghĩa vụ khác	-	320.130.975	(280.130.975)	-	40.000.000
	<u>3.369.523.543</u>	<u>17.805.389.447</u>	<u>(15.892.170.931)</u>	<u>(1.860.157.318)</u>	<u>3.422.584.741</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

B09-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương	10.905.591.465	9.105.873.576
Lãi vay phải trả	770.691.244	832.653.384
Chi phí khấu hao	2.341.853.038	-
Khác	6.801.773.622	2.777.167.884
	<u>20.819.909.369</u>	<u>12.715.694.844</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

B09-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm

	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND
Bên thứ ba	2.399.081.697	-
Thu hộ nhà cung cấp		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và kinh phí công đoàn	1.370.863.770	1.031.082.713
Cổ tức phải trả	753.273.684	4.155.407.211
Khác	1.707.928.156	3.019.693.304
	<u>6.231.147.307</u>	<u>8.206.183.228</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(vii))	-	5.683.757.761
	<u>6.231.147.307</u>	<u>13.889.940.989</u>

21. CÁC KHOẢN VAY

B09-DN/HN

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (i)	10.129.000.000	20.795.008.291	(20.988.766.394)	-	9.935.241.897
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ("OCB")	10.000.000.000	10.000.000.000	(18.000.000.000)	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ("VCB")	129.000.000	10.795.008.291	(2.988.766.394)	-	7.935.241.897
Vay bên thứ ba (ii)	1.900.000.000	-	(1.900.000.000)	-	-
Vay cá nhân (iii)	1.300.000.000	-	(1.300.000.000)	-	-
Vay bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(vii))	12.500.000.000	1.500.000.000	(14.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.759.250.000	-	(23.259.250.000)	23.035.348.892	25.535.348.892
(b) Vay và nợ dài hạn					
Vay ngân hàng (i)	51.588.250.000	22.295.008.291	(61.448.016.394)	23.035.348.892	35.470.590.789
OCB	164.787.640.000	-	(17.217.598.892)	-	147.570.041.108
VCB	117.075.000.000	-	(10.450.000.000)	-	106.625.000.000
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai (iv)	47.712.640.000	-	(6.767.598.892)	-	40.945.041.108
Phát hành trái phiếu (v)	21.250.000.000	-	(7.500.000.000)	-	13.750.000.000
Trái phiếu đã phát hành	1.000.000.000	229.673.879.996	(3.269.900.004)	-	227.403.979.992
Chi phí phát hành trái phiếu	1.000.000.000	229.100.000.000	-	-	230.100.000.000
	-	573.879.996	(3.269.900.004)	-	(2.696.020.008)
Vay dài hạn đến hạn trả	187.037.640.000	229.673.879.996	(27.987.498.896)	-	388.724.021.100
OCB	(25.759.250.000)	-	23.259.250.000	(23.035.348.892)	(25.535.348.892)
VCB	(10.450.000.000)	-	10.450.000.000	(12.700.000.000)	(12.700.000.000)
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai (iv)	(5.309.250.000)	-	5.309.250.000	(7.835.348.892)	(7.835.348.892)
	(10.000.000.000)	-	7.500.000.000	(2.500.000.000)	(5.000.000.000)
	161.278.390.000	229.673.879.996	(4.728.248.896)	(23.035.348.892)	363.188.672.208

(i) Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng cuối năm như sau:

B09-DN/HN

Ngân hàng	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
OCB	77.000.000.000	83.500.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm
OCB	29.625.000.000	33.575.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm
VCB	13.880.750.000	17.084.000.000	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2013 đến ngày 26 tháng 9 năm 2022	Năm 1: 7,2%/năm Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
VCB	15.000.000.000	17.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2%/năm Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
VCB	11.666.791.108	13.125.140.000	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2016 đến ngày 12 tháng 7 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
OCB	2.000.000.000	10.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiết kiệm 6 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,4%/năm
VCB	7.935.241.897	-	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2018 đến ngày 12 tháng 6 năm 2018	Từ 7,5% đến 8,6%/năm
VCB	397.500.000	503.500.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2017 đến ngày 26 tháng 1 năm 2022	7,5%/năm
VCB	-	129.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2017	7%/năm
	<u>157.505.283.005</u>	<u>174.916.640.000</u>		

Các khoản vay ngân hàng trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Tập đoàn (Thuyết minh 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn không có khoản vay ngân hàng nào bị quá hạn thanh toán.

21. CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay bên thứ ba là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, chịu mức lãi suất 10,5% mỗi năm.

(iii) Đây là khoản vay tín chấp chịu mức lãi suất 6% mỗi năm.

(iv) Chi tiết các khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

B09-DN/HN

Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
Từ ngày 25 tháng 12 năm 2009 đến ngày 25 tháng 12 năm 2017	7	2.500.000.000	2.500.000.000
Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018	8,4	2.500.000.000	7.500.000.000
Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 9 năm 2022	7	8.750.000.000	11.250.000.000
		<u>13.750.000.000</u>	<u>21.250.000.000</u>

Các khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Tập đoàn (Thuyết minh 12).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn không có khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai nào bị quá hạn thanh toán.

(v) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.500.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của bà Đặng Huỳnh Ước My, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành thêm 801.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 29 tháng 12 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (cổ đông Công ty) và đảm bảo bằng tài sản của một cá nhân (ông Huỳnh Đăng Khoa).

Chi tiết số dư trái phiếu cuối năm như sau:

B09-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	160.000.000.000	-
Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	44.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	25.000.000.000	-
Bà Phan Thị Thanh Thảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Chung Thị Mỹ Dung	100.000.000	-
	230.100.000.000	1.000.000.000

22 . QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Số đầu năm	-	(599.865.943)
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	6.568.711.349	5.141.112.224
Sử dụng trong năm	(5.142.820.845)	(4.163.938.091)
Giảm khác	-	(377.308.190)
Số cuối năm	1.425.890.504	-

23 . VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	35.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

23 . VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

B09-DN/HN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Đặng Huỳnh Úc My	30.650.000	87,57	2.350.833	6,72
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.750.000	10,71	25.421.667	72,63
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	5.000.000	14,29
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	-	-	1.977.500	5,65
Khác	600.000	1,72	250.000	0,71
	35.000.000	100	35.000.000	100



24. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

B09-DN/HN

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	250.000.000.000	28.645.813	6.400.488.742	47.332.989.419	303.762.123.974
Vốn tăng trong năm	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.714.616.328	3.297.685.252	11.012.301.580
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	22.358.228.235	22.358.228.235
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	-	(13.198.069.814)	(12.215.720.490)	(25.413.790.304)
Chia cổ tức	-	-	(6.750.916.129)	(1.946.367.986)	(8.697.284.115)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.086.026.561)	(55.085.663)	(5.141.112.224)
Giảm khác	-	-	(348.367.880)	-	(348.367.880)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.000.000.000	28.645.813	(11.268.275.314)	58.771.728.767	397.532.099.266
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.428.838.150	1.262.381.320	27.691.219.470
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường THCS - THPT Tân Phú (i)	-	29.548.605	(10.856.383.801)	(14.173.164.804)	(25.000.000.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường Đại học Yersin Đà Lạt (ii)	-	-	34.398.279	81.201.721	115.600.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	(6.568.711.349)	-	(6.568.711.349)
Khác	-	-	6.454.351.667	(5.443.433.094)	1.010.918.573
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	350.000.000.000	58.194.418	4.224.217.632	40.498.713.910	394.781.125.960

- (i) Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường THCS - THPT Tân Phú và lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 100%.
- (ii) Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt và lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 87,78%.
- (iii) Thực hiện theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông.

25. CỔ TỨC PHẢI TRẢ

B09-DN/HN

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	9.405.407.211	20.430.192.008
Cổ tức trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	-	8.697.284.115
Cổ tức đã chi trả	(6.750.916.129)	(19.722.068.912)
Điều chỉnh khác	(1.901.217.398)	-
Số dư cuối năm	<u>753.273.684</u>	<u>9.405.407.211</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 106.131.664.196 đồng và 50.589.582.333 đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Thuyết minh 36).

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu hoạt động giáo dục	450.465.562.585	339.442.016.443
Doanh thu bán hàng	6.612.773.203	1.857.358.613
Doanh thu cho thuê	4.583.290.192	3.897.706.630
Doanh thu tư vấn, thiết kế	1.007.815.416	2.719.127.728
Doanh thu khác	1.331.536.717	851.203.545
	<u>464.000.978.113</u>	<u>348.767.412.959</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(5.314.040.083)	(2.322.512.933)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về hoạt động giáo dục	445.151.522.502	337.119.503.510
Doanh thu thuần về bán hàng	6.612.773.203	1.857.358.613
Doanh thu thuần về cho thuê	4.583.290.192	3.897.706.630
Doanh thu thuần về tư vấn, thiết kế	1.007.815.416	2.719.127.728
Doanh thu thuần khác	1.331.536.717	851.203.545
	<u>458.686.938.030</u>	<u>346.444.900.026</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	124.532.910.055	123.688.932.010
Chi phí thực phẩm	30.261.496.157	19.592.900.474
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.486.878.182	9.415.655.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.970.760.598	20.834.231.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.378.307.509	25.038.373.462
Khác	29.334.144.678	3.703.840.238
	<u>249.964.497.179</u>	<u>202.273.933.337</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Lãi cho vay	9.362.200.507	1.281.021.350
Lãi tiền gửi	152.402.949	132.898.750
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	519.101	710.000
	<u>9.515.122.557</u>	<u>1.414.630.100</u>

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Lãi vay	35.271.345.712	19.207.581.857
Chi phí phát hành trái phiếu	573.879.996	-
Khác	83.020.585	40.195.533
	<u>35.928.246.293</u>	<u>19.247.777.390</u>

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	84.987.542.530	68.517.214.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.481.144.822	3.486.559.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.662.876.967	3.602.065.677
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.238.765.454	9.981.036.909
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6.182.066.450 (192.236.687)	4.116.956.760 3.496.724.507
Chi phí khác	18.798.779.111	15.781.954.356
	<u>143.158.938.647</u>	<u>108.982.511.570</u>

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế TNDN hiện hành

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 10% cho thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục và đào tạo, và mức thuế suất 20% cho thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.

Ưu đãi thuế

Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến 2007) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến 2011).

Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến 2015) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ năm 2016.

Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến 2015) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ năm 2016.

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến 2014) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ năm 2015.

Trường THCS - THPT Tân Phú

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến 2011) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến 2016).

Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến 2012) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ năm 2013.

Trường Mầm non ABI Đồng Nai

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế nêu trên không áp dụng với các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động ngoài giáo dục và đào tạo. Thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động ngoài giáo dục và đào tạo chịu mức thuế suất phổ thông là 20%.

Nộp thuế theo phương pháp khoán thuế

Trước đây, trường Mầm non TTC Sài Gòn và trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 có chủ sở hữu là cá nhân (bà Đặng Huỳnh Úc My) nên Trường nộp thuế theo phương pháp khoán thuế. Sau khi thuộc sở hữu của Công ty, các trường có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 10% cho thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục và đào tạo, và mức thuế suất 20% cho thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng cho Tập đoàn như sau:

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.912.361.833	16.572.567.244
Thuế tính ở thuế suất 10%	8.724.687.477	4.991.805.324
Thuế tính ở thuế suất 20%	(9.052.012.469)	(6.898.910.202)
Điều chỉnh:		
Dự phòng thừa của các năm trước	(76.159.400)	-
Chi phí không được khấu trừ	118.308.332	878.063.481
Thuế được miễn hoặc giảm	(1.308.860.307)	(733.901.501)
Sử dụng lỗ tính thuế mà năm trước chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(15.660.647)	(72.019.545)
Lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.830.839.377	7.395.228.107
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>8.221.142.363</u>	<u>5.560.265.664</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	8.369.249.129	5.560.265.664
Thuế TNDN - hoãn lại	(148.106.766)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>8.221.142.363</u>	<u>5.560.265.664</u>

(*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.



(b) Thuế TNDN hoãn lại

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty trong Tập đoàn như sau:

B09-DN/HN

Năm/kỳ phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Năm tài chính kết thúc 31.12.2013	Đã quyết toán	429.187.832	-	429.187.832
Năm tài chính kết thúc 31.12.2014	Đã quyết toán	758.292.228	-	758.292.228
Năm tài chính kết thúc 31.12.2015	Đã quyết toán	198.486.022	-	198.486.022
Năm tài chính kết thúc 31.12.2015	Chưa quyết toán	3.466.002.405	(96.179.385)	3.369.823.020
Năm tài chính kết thúc 31.12.2016	Đã quyết toán	1.910.273.039	-	1.910.273.039
Năm tài chính kết thúc 31.12.2016	Chưa quyết toán	3.558.292.210	-	3.558.292.210
Giai đoạn từ 1.1.2016 đến 30.6.2016	Chưa quyết toán	8.092.693.143	-	8.092.693.143
Giai đoạn từ 1.1.2017 đến 30.6.2017	Chưa quyết toán	2.629.725.299	-	2.629.725.299
Giai đoạn từ 9.12.2016 đến 30.6.2017	Chưa quyết toán	560.453.285	-	560.453.285
Năm tài chính kết thúc 30.6.2017	Chưa quyết toán	32.109.631.203	-	32.109.631.203
Giai đoạn từ 15.3.2017 đến 31.12.2017	Chưa quyết toán	2.551.810	-	2.551.810
Giai đoạn từ 12.12.2017 đến 30.6.2018	Chưa quyết toán	310.235.595	-	310.235.595
Giai đoạn từ 1.1.2018 đến 30.06.2018	Chưa quyết toán	2.848.353	-	2.848.353
Năm tài chính kết thúc 30.6.2018	Chưa quyết toán	49.964.559.346	-	49.964.559.346

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này trước khi hết hạn được đánh giá là không chắc chắn.

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

B09-DN/HN

	Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	209.924.110.057	192.622.817.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.750.115.381	30.996.610.665
Chi phí thực phẩm	31.326.395.003	21.686.402.665
Chi phí công cụ, dụng cụ	29.364.135.818	19.396.692.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.633.637.565	24.436.297.092
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	6.182.066.451	4.116.956.760
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	550.492.385	188.709.197
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(192.236.687)	3.496.724.507
Chi phí khác	45.598.887.826	14.315.233.597
	<u>394.137.603.799</u>	<u>311.256.444.907</u>

34. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần	<u>6.568.711.349</u>	<u>5.086.026.561</u>

(b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Phát hành trái phiếu thường	229.673.879.996	1.000.000.000
Vay theo kế ước thông thường	22.295.008.291	112.539.140.000
	<u>251.968.888.287</u>	<u>113.539.140.000</u>

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>66.176.265.290</u>	<u>103.547.500.000</u>

(d) Chi đầu tư vào các đơn vị khác

B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Tiền chi thuần mua phần vốn của các công ty (Thuyết minh 3)	77.211.340.809	8.579.958.634
Tiền chi mua thêm phần vốn của các công ty con	25.000.000.000	4.061.294.000
Tiền chi mua thêm phần vốn của các công ty con ở năm trước	21.352.496.304	-
	<u>123.563.837.113</u>	<u>12.641.252.634</u>

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
(i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Các công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công	7.796.879.269	1.225.542.447
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.808.539.645	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	2.603.930.051	886.707.491
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	2.290.811.000	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh		
	<u>16.500.159.965</u>	<u>2.112.249.938</u>
(ii) Chia cổ tức		
Cổ đông		
Đặng Huỳnh Úc My	884.579.411	-
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	5.250.000.000
	<u>884.579.411</u>	<u>5.250.000.000</u>
(iii) Đi vay		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.500.000.000	60.500.000.000
	<u>1.500.000.000</u>	<u>60.500.000.000</u>

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
(iv) Chi phí lãi vay		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	180.875.001	1.303.414.554
(v) Cho vay		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	406.500.000.000	15.500.000.000
(vi) Lãi từ cho vay		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.515.757.560	19.125.000
(vii) Nhận chuyển nhượng vốn góp (Thuyết minh 3)		
Cổ đồng	30.000.000.000	-
(viii) Mua tài sản cố định		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.482.120.850	-
(ix) Các khoản chi cho quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	18.907.805.201	11.634.822.500



(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	281.400.000	-
(ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Các công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	402.650.457	280.332.815
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	266.925.000	278.720.000
	<u>669.575.457</u>	<u>559.052.815</u>
(iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thành Thành Công	-	8.500.000.000
(iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Các công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.531.524.935	2.597.222
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	1.168.928.336	-
Ban Tổng Giám đốc	14.197.495.769	-
Cổ đông	55.420.589	-
	<u>17.953.369.629</u>	<u>2.597.222</u>
(v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8(b))		
Các công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	892.773.744	-
	<u>2.892.773.744</u>	<u>-</u>
(vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Các công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	844.411.765	142.010.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	320.570.400	172.610.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	21.250.000	9.990.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa	3.625.073	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Khách sạn Ngọc Lan	-	21.352.496.304
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	134.116.312	-
	<u>1.323.973.550</u>	<u>21.677.106.304</u>

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
(vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20)		
Cổ tức phải trả		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	5.250.000.000
Chi phí lãi vay phải trả		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	255.875.000
Lãi phạt do trả chậm		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	177.882.761
	-	5.683.757.761
(viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 21(a))		
Công ty chung Tập đoàn Thành Thành Công		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	12.500.000.000

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	18.668.465.660	17.283.619.833
Từ 1 đến 5 năm	50.027.222.144	26.957.650.000
Trên 5 năm	38.689.536.392	6.348.312.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	107.385.224.196	50.589.582.333

(b) Tập đoàn nhận được mức tối thiểu cho các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	2.428.363.632	2.603.546.830
Từ 1 đến 5 năm	6.464.509.085	406.000.000
Tổng cộng các khoản thu tối thiểu	8.892.872.717	3.009.546.830

37. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu đầu tư xây dựng và tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm

	2018 VND	2017 VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng	-	14.205.324.595
Nâng cấp, sửa chữa trường và khuôn viên trường	-	6.294.588.800
	-	<u>20.499.913.395</u>

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.


Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2018.



Nguyễn Thị Hương
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG
253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
www.ttcedu.vn